HƯỚNG DẪN HỘI THOẠI
PHÁP – VIỆT

HỘI HỮU NGHỊ VIỆT – PHÁP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HƯỚNG DẪN HỘI THOẠI PHÁP – VIỆT

CHUYÊN NGÀNH Y

Hà Nội - 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay nhu cầu sử dụng tiếng Pháp trong chuyên ngành Y khoa là rất lớn, từ việc đọc sách và tài liệu Y để nắm bắt thông tin đến việc sử dụng tiếng Pháp như một công cụ giao tiếp để trực tiếp làm việc với chuyên gia nói tiếng Pháp ở trong và ngoài nước. Để có thể giao tiếp được trong chuyên ngành này, chúng tôi nghĩ rằng người học một mặt phải có được vốn từ và cấu trúc tối thiểu, những hành động lời nói cơ bản để biểu đạt những mục đích giao tiếp thông thường nhất, mặt khác người đọc phải nắm được những thuật ngữ trong chuyên ngành của mình, theo chúng tôi nghĩ trước hết ở đây là vốn từ cần thiết cho việc khám và chẩn đoán lâm sàng.

Để giúp cho bạn học có một công cụ giao tiếp tiếng Pháp về chuyên ngành Y, hai tác giả Nguyễn Lân Việt và Nguyễn Lân Trung đã soạn cuốn Sổ tay nhỏ này với tiêu đề: Hướng dẫn hội thoại Pháp- Việt chuyên ngành Y. Cuốn sách bao gồm ba phần:

1. Hành động và lời nói cơ bản

2. Tình huống thông dụng

3. Hội thoại Pháp- Việt, tình huống chuyên ngành Y

Trong phần thứ nhất, các tác giả lựa chọn và sắp xếp những hành động lời nói cần thiết nhất vào trong một số những mục tiêu giao tiếp thông thường của cuộc sống hằng ngày. Phần ngữ liệu ngôn ngữ này giúp cho các bạn có khả năng ứng xử trong các tình huống giao tiếp đặt ra trong công việc và ngoài cuộc sống. Phần thứ hai, các tác giả lựa chọn một số tình huống – chủ đề lớn và tập hợp vào đó những mẫu câu cơ bản để từ đó các bạn có thể dựa vào, giao tiếp ban đầu trong chuyên ngành Y của mình. Phần thứ ba là một số bài hội thoại tiếng Pháp của tác giả N.Eristavi về Y khoa, được chuyển sang song ngữ với mục đích giúp các bạn học nhanh chóng nắm bắt ngôn ngữ giao tiếp chuyên ngành để sử dụng trong chuyên môn.

Cuốn Sổ tay nhỏ này chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết trong khi biên soạn, chúng tôi rất mong sự góp ý của bạn đọc để các cuốn sách sau được biên soạn tốt hơn.

Chúc các bạn thành công.

Hội hữu nghị Việt – Pháp thành phố Hà Nội

I. HÀNH ĐỘNG LỜI NÓI

1. Chào hỏi (saluer)

- Để chào khi gặp mặt người ta dùng từ “Bonjour”. Có thể đi kèm:

Bonjour, monsieur	Chào ông
madame	Chào bà
madamoiselle	Chào cô
tout le monde	Chào mọi người
docteur.	Chào bác sỹ.

- Người ta cũng thường thêm câu hỏi thăm:

Comment allez- vous?	Bạn có khỏe không?
Comment ça va?	
Ça va?	

- Kể từ lúc mặt trời lặn (khoảng từ 6 giờ tối) ta dùng từ “Bonsoir” để chào.

- Giữa bạn bè thân quen,trong gia đình và nhất là giữa trẻ em, thanh

thiếu niên, ta có thể dùng từ "Salut" để chào.

2. Chào tạm biệt (prendre congé):

- Để chào khi tạm biệt nhau, người ta dùng từ "Au revoir":

Au revoir, docteur	Tạm biệt bác sỹ
messieurs-dames	Tạm biệt các ông, các bà

- Trong các trường hợp thân mật, ta có thể dùng từ "Salut":

Salut, Marie!	Tạm biệt, Marie!

- Để hẹn gặp lại, ta dùng:

À toute à l'heure	Chốc nữa gặp lại
À bientôt	Chóng gặp lại
À demain	Ngày mai gặp lại
À la semaine prochaine.	Tuần sau gặp lại.

3. Tự giới thiệu (se présenter)

- Để tự giới thiệu người ta dùng động từ "se presenter"

Je me présente: Paul Barre	Tôi tự giới thiệu: Paul Barre

- Kiểu cách hơn ta nói: Permettez- moi de me présenter.	Hãy cho phép tôi được tự giới thiệu.

- Để giới thiệu tên ta dùng:

Je m'appelle P.B.	Tôi tên là P.B.
Je suis P.B.	

- Thường giới thiệu tên đi kèm với nghề nghiệp, chức vụ:

Je suis médecin.	Tôi là bác sỹ.
Antoine Daudet, directeur de l'hôpital H.M	Tôi là Antoine Daudet, giám đốc bệnh viện H.M.
Je suis A.G., dentiste.	Tôi là A.G., bác sỹ nha khoa.

4. Giới thiệu (présenter):

- Để giới thiệu mội người khác, ta dùng:

Je vous présente monsieur B.D., cardiologue.	Xin giới thiệu với anh ông B.D., Bác sỹ tim mạch.

- Trịnh trọng hơn ta dùng:

J'ai l'honneur de vous	Tôi hân hạnh được giới

présenter....	thiệu với anh....
- Thân mật hơn ta dùng:	
Voici…	Đây là…
C’est…	
- Đáp lễ, ta dùng:	
Enchanté (heureux, content, ravi) de faire votre connaissance.	Hân hạnh (sung sướng) được làm quen.

5. Cảm ơn (remercier)

- Để cảm ơn, ta dùng từ “Merci” có thể kèm theo:

Merci bien beaucoup	Rất cảm ơn.
Merci, docteur.	Cảm ơn bác sỹ.
Merci, vous êtes gentil.	Cảm ơn, ông tốt quá.
Merci d’être venu.	Cảm ơn đã đến.
- Trọng thị hơn, ta dùng:	
Je vous remercie infiniment.	Cảm ơn ông vô cùng.
- Để đáp lại lời cảm ơn, ta dùng:	
De rien.	Có gì đâu.
Il n’y a pas de quoi.	
Je vous en prie.	

6. Xin lỗi (s’excuser)

- Để xin lỗi, ta dùng các từ: “Pardon”, “Excusez-moi.”, “Je m’excuse.”

Excusez- moi, docteur.	Xin lỗi bác sỹ.
- Trọng thị hơn, ta dùng:	
Veuillez m’excuser.	Xin ông hãy tha lỗi cho tôi.
Je vous prie de m’excuser.	
- Để đáp lại, ta dùng:	
Ce n’est rien.	Không sao đâu.
Ce n’est pas grave.	
Il n’y a pas de quoi.	
- Để động viên người xin lỗi, ta dùng:	
Ne vous en faites pas.	Đừng phiền muộn nữa
Ce n’est pas de ta faute.	Có phải lỗi tại cậu đâu

7. Chúc tụng, mong muốn (souhaiter):

- Khi đến thăm một người ốm, ta chúc:

Soigne- toi bien	Chúc giữ gìn sức khỏe
Meilleure santé.	Chúc thật khỏe.
Prompt rétablissement.	Chúc chóng bình phục.

- Ta có thể dùng từ động từ "Souhaiter":

Je vous souhaite une bonne santé.	Tôi chúc anh thật khỏe
Je souhaite qua vous vous retablissiez vite.	Tôi chúc anh chóng bình phục.
Bon appétit.	Chúc ăn ngon miệng.
Bonne nuit.	Chúc ngủ ngon.
Bonne route.	Chúc vạn lộ bình an
Bonnes vacances.	Chúc kỳ nghỉ tốt đẹp.

8. Xin phép (demander la permission)

- Để xin phép ai làm một việc gì:

Je voudrais 3 jours de congé.	Tôi muốn xin nghỉ 3 ngày.
J'aimerais rester à l'hôpital	Tôi xin được ở lại bệnh viện.
Permettez- moi de fumer.	Cho phép tôi hút thuốc.

- Kiểu cách hơn, ta dùng:

Accepteriez- vous que je prenne ce médicament?	Ông có đồng ý cho tôi uống thuốc này không?
Puis- je vous demander la permission de rentrer?	Ông có thể cho phép tôi về nhà rồi chứ?

- Để chấp thuận, cho phép, ta dùng:

Oui, bien sûr.	Vâng, dĩ nhiên.
D'accord.	Đồng ý.
C'est possible.	Được thôi.

- Nếu không chấp thuận, không cho phép, ta dùng:

Mais non.	Không được.
Je regrette.	Rất tiếc.
Pas question.	Dứt khoát là không.

9. Cấm (interdire, défendre)

- Để cấm ai làm gì, ta dùng:

Ne fumez pas.	Đừng hút thuốc.
Tu ne boiras pas d'alcool.	Anh không được uống rượu.
Je vous interdis de veiller tard la nuit.	Tôi cấm anh không được thức khuya ban đêm.
Tu n'as pas le droit de négliger ta santé.	Anh không có quyền được coi thường sức khỏe của mình.

- Ở những nơi công cộng, ta thường thấy:

Défense de fumer.	Cấm hút thuốc.
Entrée interdite.	Cấm vào.
Prière de garder le silence.	Xin giữ trật tự.

Vous êtes prié de ne pas cracher ici.	Cấm khạc nhổ ở đây.

10. Khuyên, can ngăn (conseiller, déconseiller)

- Để khuyên ai, ta dùng:

Je vous conseille de garder le lit pendant une semaine.	Tôi khuyên anh nằm nghỉ 1 tuần.
Vous devez vous garder du froid.	Anh phải giữ khỏi bị lạnh.
Tu devrais te faire radiographier.	Anh cần phải đi chiếu điện.
Il faut prendre votre température tous les matins.	Anh phải cặp nhiệt độ các buổi sáng.
Si j'ai un conseil à vous donner, ne buvez plus.	Nếu cần phải khuyên, xin anh đừng uống rượu nữa.

- Để can ngăn ai, ta dùng:

Je vous déconseille de prendre ce médicament	Tôi khyên anh không nên dùng thuốc đó.
Ne suivez pas ce régime.	Đừng theo chế độ đó.
Tu auras tort de rester chez vous.	Anh nhầm khi một mực ở nhà.

11. Hứa hẹn.

- Để hứa hẹn, ta dùng:

Je vous promets de venir vous voir.	Tôi hứa sẽ đến thăm anh.

Je vous garantis qu'on vous guérira.	Tôi đảm bảo là người ta sẽ chữa khỏi cho anh.
Je m'engage à vous rembourser la somme.	Tôi xin cam kết là sẽ hoàn lại anh số tiền.

- Tăng tính chất hứa hẹn:

…, je te promets	…, tôi hứa với anh
…, c'est promis	…, xin hứa
…, c'est juré	…, xin thề
…, compte sur moi	…, hãy tin ở tôi
…, parole d'honneur.	…, lời nói danh dự.

- Nếu không thật chắc chắn, ta dùng:

Je vais essayer de…	Tôi sẽ cố gắng…
Je vais voir si…	Tôi thử xem có được…

12. Đề nghị, gợi ý (proposer, suggérer)

- Để đề nghị, ta dùng:

Je peux (pourrais) vous aider.	Tôi có thể giúp anh.
Je vous propose de passer vous prendre.	Tôi đề nghị là sẽ qua đón anh.
Tu veux que je te prescrive une autre ordonnance?	Anh có muốn tôi viết cho anh đơn thuốc khác không?

- Để gợi ý, ta dùng:

Si vous voulez, on vous fera subir des examens.	Nếu muốn, người ta sẽ làm xét nghiệm cho anh.
Si on allait boire un coup?	Giá mà ta đi uống một cái nhỉ?
Aimerais- tu que je reste avec toi.	Anh có muốn tôi ở lại với anh không?

- Nếu chấp thuận, ta dùng:

(Oui) Avec plaisir	(Vâng) Xin vui lòng
D'accord	Đồng ý
C'est très gentil	Thật là tốt bụng
C'est une bonne idée.	Quả là một ý hay.
Pourquoi pas?	Sao lại không nhỉ?

- Nếu từ chối, ta dùng:

(Non) Merci	(Không) Cảm ơn
Ça va, merci	Được rồi, cảm ơn
Je ne peux pas	Tôi không thể
Merci, je me débrouillerai.	Cảm ơn, tôi sẽ tự xoay xở lấy.
Merci, je peux le faire moi- même.	Cảm ơn, tôi có thể tự làm được.
Je vais voir.	Để tôi xem đã

13. Không đồng tình, phản đối, trách (désapprouver, protester, reprocher):

- Khi không đồng tình, ta dùng:

Je ne suis pas d'accord	Tôi không đồng ý.
Ce n'est pas possible	Không thể được.
Vous avez tort.	Anh nhầm rồi.
Je n'admets pas ce genre de comportement.	Tôi không chấp nhận cách cư xử như vậy.
Ce n'était pas bien.	Thế là không tốt.

- Khi phản đối, ta dùng:

Je proteste contre cette politique.	Tôi phản đối chính sách đó.
Je déteste les fumeurs.	Tôi ghét người nghiện thuốc lá.
C'est inadmissible.	Không thể chấp nhận được.
Ah non!	Không được.

- Khi trách ai, ta dùng:

Je vous reproche d'avoir appliqué cette méthode.	Tôi trách anh đã áp dụng phương pháp này.
Tu n'aurais pas du t'énerver.	Lẽ ra anh không nên nổi cáu.
Tu exagères.	Anh quá đáng đấy.

Il ne fallait pas.	Không nên.

14. Tin, nghi ngờ (croire, douter)

- Để diễn đạt điều được coi là chắc chắn, ta dùng:

Je suis sûr que c'est une primoinfection tuberculeuse.	Tôi chắc chắn đó là bệnh lao xơ nhiễm.
Il est clair que sa santé s'améliore.	Rõ ràng là sức khỏe của nó tốt hơn.
C'est certain que vos troubles sont très anciens.	Chắc chắn là những rối loạn ở anh đã có từ lâu.
J'en ai la conviction.	Tôi tin tưởng vào điều đó.
Ja n'ai accun doute.	Tôi không nghi ngờ gì.

- Để diễn đạt một khả năng, ta dùng:

Il est posible que ce soit un indigestion.	Có thể đó là một sự khó tiêu.
Il semble que vous alliez mieux.	Hình như anh khỏe ra hơn
Il se peut qu'elle souffre de rhumatisme articulaire aigu.	Có lẽ bà ấy bị thấp khớp cấp.

- Khi không tin, ta dùng:

Il est impossible que vouss puissiez être traité à domicile.	Không thể nào anh điều trị ở nhà được.

Je ne crois (pense) pas.	Tôi không tin (nghĩ) như vậy.
Je ne suis pas convaincu.	Tôi không tin được.
C'est exclu.	Không thể thế được.

15. Nhấn mạnh (insister)

- Khi muốn nhấn mạnh ý mình, ta dùng:

Je l'affirme.	Tôi khẳng định điều đó.
Je souligne que c'est très grave.	Tôi nhấn mạnh rằng điều đó rất nghiêm trọng.
J'insiste sur le fait qu'il n'y a pas de remède pour le moment.	Tôi nhấn mạnh là hiện nay không có phương pháp nào.
Cela mérite attention.	Điều này đáng được chú ý.

- Để nhấn mạnh một câu trả lời phủ định, ta dùng:

C'est non.	Không được.
J'ai déjà dit non.	Tôi đã nói là không mà.
Ce n'est pas la peine d'insister.	Nhấn mạnh cũng vô ích thôi.

16. Khuyến khích, động viên (encourager)

- Để khuyến khích, động viện, ta dùng:

Je vous encourage vivement à faire de la gymnastique.	Tôi hết sức khuyên anh tập thể dục.

Allez- y, un peu de courage.	Nào, dũng cảm lên.
Vous n'avez rien de mieux à faire.	Chẳng còn gì tốt đẹp hơn để làm đâu.
De quoi avez-vous peur?	Anh sợ gì cơ chứ?
Encore un petit effort!	Nào, cố lên!
Ça y est presque.	Sắp được rồi.
Continuez!	Tiếp tục đi!
Plus fort!	Mạnh hơn nào!
Plus vite!	Nhanh hơn nào!

17. Mời, tặng (inviter, offrir)

- Để mời ai, ta dùng:

Tu es libre, ce soir?	Tối nay anh có rảnh không?
Qu'est-ce que vous faites dimanche?	Chủ nhật này anh có làm gì không?
Je t'invite à prendre un verre.	Tôi mời anh đi uống cái gì đó.
Venez diner chez nous.	Hãy lại nhà tôi ăn tối.
Laissez- moi vous inviter.	Hãy để tôi được mời anh.
Vous voulez danser?	Mời chị nhảy.

- Khi chấp nhận lời mời, ta dùng:

Avec plaisir,	Xin vui lòng,
Oui, je veux bien.	Vâng, tôi rất muốn.

Volontiers.	Sẵn sàng.
C'est une bonne idée.	Quả là một ý hay.
Oui, si tu veux.	Ừ, nếu bạn muốn.

- Khi không chấp nhận lời mời, ta dùng:

Je suis désolé, mais…	Tôi rất tiếc, nhưng…
C'est gentil, mais…	Anh thật tốt, nhưng…
Merci, mais je n'ai pas envie.	Cảm ơn, nhưng tôi không muốn.
Non, je ne veux pas.	Không, tôi không muốn

- Khi tặng ai cái gì, ta dùng:

Voilà des fleure pour vous.	Đây là hoa của anh.
J'ai un petit cadeau pour vous.	Tôi có một món quà nhỏ cho anh.
C'est pour vous, madame.	Đây là của bà, thưa bà

- Khi được tặng, ta đáp:

Vraiment, c'est très gentil.	Thực là tốt bụng quá.
Oh, mais il ne fallait pas.	Ồ, quà cáp làm gì.

18. Hỏi đáp thông thường

- Hỏi ai điều gì:

Pardon monsieur, pouvez- vous me dire…	Xin lỗi, ông có thể nói cho tôi...
Excusez- moi, mada me.....	Xin lỗi bà, ...
Pourrivez- vous	Ông có thể ....
Où est…	Ở đâu.........
À quelle heure…	Mấy giờ ....
Je cherche…	Tôi tìm ....

- Với một người quen thân, ta có thể nói:

Dis donc, tu peux me dire ce que j'ai?	Nào, anh có thể cho tôi biết tôi bị sao không?
Eh bien, c'est grave?	Thế nào, có nặng không?

- Khi hỏi về giờ giấc:

Vous avez l'heure, s'il vous plait?	Anh có đồng hồ không?
Il est quelle heure?	Mấy giờ rồi?
L'heure, s'il vous plait?	Mấy giờ rồi ạ?
La pharmacie s'ouvre à quelle heure?	Hiệu thuốc mở cửa lúc mấy giờ nhỉ?
Quand le train arrivera?	Khi nào thì tàu đến?

- Khi trả lời giờ giấc, ta dùng:

Moi, j'ai 2 heures.	Theo đồng hồ tôi là 2 giờ.
Il est 7 heures pile.	Đúng 7 giờ.
Il est tout juste 7 heures.	Vào quãng 7 giờ.
Vers 7 heures.	
À 7 heures environ.	

- Khi hỏi về giá cả, ta dùng:

Ça coûte combien?	Giá bao nhiêu?
C'est combien, ça?	
Le prix, s'il vous plait?	
Je voudrais savoir le prix de ces lunettes.	Tôi muốn biết giá của chiếc kính này.

- Khi trả lời về giá cả, ta dùng:

Ça fait 20 francs	Giá là 20 francs.
Ça coûte 20 francs.	
C'est marqué 20 francs.	Ghi giá là 20 francs.
Ces lunettes coûtent cher.	Chiếc kính này đắt lắm

19. Đánh giá (juger)

- Khi đánh giá một tác phẩm, công trình, ta dùng:

J'ai beaucoup aimé.	Tôi rất thích.
Ça m'a plu.	Cái đó làm tôi thích.
J'ai trouvé ça agréable.	Tôi thấy cái đó dễ chịu.
C'est pas mal.	Cũng được.

Ce n'était pas très bien.	Không được hay lắm.
C'était affreux.	Thật xấu.

- Khi đánh giá một món ăn, ta dùng:

C'est délicieux.	Ngon tuyệt.
C'est dégoûtant.	Chán chết.
Pas mal du tout.	Cũng được đấy chứ.

- Khi đánh giá một con người, ta dùng:

Il est beau.	Anh ấy đẹp trai.
Elle est jolie.	Cô ấy xinh xắn.
Elle est magnifique.	Cô ấy lộng lẫy.
Elle est plutôt moche.	Phải nói là cô ấy xấu.
Il est bien.	Anh ấy tốt.
Elle est très sympa.	Cố ấy rất tốt bụng.
Il est méchant.	Anh ấy ác.
Elle me casse les pieds.	Cô ấy làm tôi chán ngấy.

20. Mở đầu, duy trì, kết thúc hội thoại (engager, maintenir, terminer une conversation)

- Để mở đầu, ta dùng:

Dis donc, Paul, tu sais que…	Này, Paul, cậu có biết rằng….
Alors, qu'est-ce que tu penses de….	Này, cậu nghĩ thế nào về…

Je ne te dérange pas?	Tôi không làm phiền anh chứ?
Je peux te parler?	Tôi có thể nói chuyện với anh được chứ?

- Để xen vào câu chuyện, ta dùng:

Moi, je pense que	Tôi, thì tôi nghĩ rằng…
Écoutez, ce n'est pas possible.	Nghe đây, không thể như thế được.
D'accord, mais…	Đồng ý, nhưng mà…

- Nếu không được nhường lời, ta dùng:

Laissez- moi parler.	Hãy để tôi nói đã.
Je demande la parole.	Tôi xin được nói.
J'ai quelque chose à dire.	Tôi xin được có mấy lời.

- Nếu ai cướp lời, ta dùng:

Laissez- moi terminer.	Hãy để tôi nói hết đã.
Attends, je peux finir?	Gượm đã, tôi có thể nói hết chứ?

- Khi kết thúc câu chuyện, ta dùng:

Bon, eh bien, il faut que je parte,	Thôi được rồi, tôi phải đi đây.
On se revoit lundi?	Thứ hai ta gặp lại chứ?
On se téléphone?	Ta sẽ điện thoại chứ?
Il faut qu'on se revoie, hein?	Ta sẽ gặp lại nhau chứ?

II. TÌNH HUỐNG THÔNG DỤNG

1. Câu hỏi của bác sĩ

Faites-vous de la fièvre?	Anh có bị sốt không?
Vous n'avez pas pris froid?	Anh không bị cảm lạnh chứ?
Qu'avez-vous pris hier soir?	Tối qua anh ăn gì?
Qu'est-ce qui ne va pas, madame?	Thưa bà, bà bị đau gì đấy?
Quand est-ce que vos ennuis ont commencé?	Khi nào anh bắt đầu cảm thấy khó chịu?
Quelles sensations avez-vous éprouvées?	Anh cảm thấy những gì?
N'avez-vous jamais été malade?	Anh chưa bao giờ bị ốm à?
Quel traitement avez-vous suivi?	Anh đã theo điều trị gì?
Quelle maladie avez-vous eue récemment?	Gần đây anh có bị bệnh gì không?
Quand avez-vous noté le début de ces troubles?	Anh thấy những rối loạn này bắt đầu từ khi nào?
Combien de temps êtes- vous souffrant?	Anh bị đau từ bao giờ?
Quelles douleurs sentez- vous encore?	Anh còn cảm thấy đau những gì nào?
Quel médicament vous a-t-on prescrit?	Người ta đã kê cho bà những gì nào?
Quelles maladies contagieuses as- tu eues?	Em đã bị những bệnh truyền nhiễm gì?
Quand est-ce qu'on t'a fait la dernière fois de la vaccination?	Khi nào thì con được tiêm chủng lần cuối?
Avez-vous mal à la tête?	Anh có đau đầu không?
Avez-vous eu des nausées?	Anh có buồn nôn không?
Avez-vous des douleurs dans la pointrine?	Anh có bị đau vùng ngực không?
Vous sentez quelque chose ici?	Anh có cảm thấy ở đây có những gì không?
Cela vous fait mal quand j'appuis sur votre ventre?	Anh có thấy đau khi tôi ấn vào không?
Est-ce que vous vous trouvez essoufflé à l'effort?	Anh có cảm thấy tức thở khi gắng sức không?

Est-ce que le traitement physiothérapie vous a donné un soulagement?

Avez-vous mal encore quelque part?

Est-ce que les douleurs sont diffusées ou prédominentes d'un seul côté?

Est-ce que ces douleurs irradient parfois dans le bassin?

Vos douleurs ne sont pas parfois intermittentes?

Depuis quand avez-vous cette furonculose des mains?

Quel traitement vous a-t-on pratiqué?

Le traitement anticeptique externe n'a pas eu un bon effet?

N'avez-vous pas eu d'antécédents de rhumatisme?

Avez-vous des crises cardiques?

Avez-vous subi une intervention chirurgicale?

Vous a-t-on fait aussi une hystérectomie?

Vous vous plaignez d'une douleur à la jambe?

Comment sont vos selles?

Que sentez- vous encore?

Quels sont les symptômes?

Avez-vous des troubles digestifs ou urinaires?

Điều trị bằng liệu pháp có làm cho anh dễ chịu không?

Anh còn cảm thấy đau ở đâu không?

Đau lan tỏa hay tập trung vào một phía?

Đôi khi có bị đau lan đến vùng khung chậu không?

Đôi khi anh có bị đau ngắt quãng không?

Anh bị cái nhọt ở tay từ bao giờ?

Người ta đã điều trị anh như thế nào?

Điều trị bằng thuốc sát khuẩn ngoài không có tác dụng tốt phải không?

Anh không có tiền sử thấp khớp chứ?

Anh có bị những cơn đau tim không?

Anh đã bị mổ lần nào chưa?

Cũng đã bị cắt bỏ tử cung phải không?

Anh kêu đau ở cẳng chân phải không?

Phân của anh thế nào?

Anh còn cảm thấy gì nữa?

Triệu chứng là gì?

Anh có bị rối loạn đường tiêu hóa hay bài tiết không?

2. Bệnh nhân nói về mình và miêu tả về bệnh của mình

Je ne vais pas bien.

Je me sens très fatigué.

Je ne me sens pas à l’aise.

Il me semble que j’aie mal partout.

Je pense que depuis déjà quelques semaines je ne me sens pas bien.

Je sens que je ne suis pas dans mon état normal.

Je n’ai pas d’appétit.

Je tousse et j’ai mal à la tête.

J’ai éprouvé de la fièvre et des frissons.

J’ai des douleurs dans la poitrine.

Je n’ai ni rhum, ni mal de gorge.

Je souffre de lumbago.

Cela me fait trop souffrir.

C’est bien pénible de supporter ces douleurs.

J’ai été toujours maladif.

J’ai eu toutes les maladies infantiles: la rougeole, la varicelle, la coqueluche, la scarlatine et bien d’autrès.

J’ai de la faiblesse pulmonaire avec des séquelles d’anciennes lésions.

J’ai terriblement mal au genou gauche, surtout quand je marche.

J’éprouve des douleurs de deux côtés.

Les douleurs sont généralement aggravées par les efforts ou la station debout.

Tôi thấy không được khỏe.

Tôi cảm thấy rất mệt.

Tôi không cảm thấy dễ chịu.

Hình như là tôi bị đau khắp toàn thân.

Tôi nghĩ rằng từ một vài tuần nay tôi không được khỏe.

Tôi thấy người không được bình thường cho lắm.

Tôi ăn thấy không ngon miệng.

Tôi bị ho và bị đau đầu.

Tôi thấy sốt và bị rùng mình.

Tôi bị đau ngực.

Tôi không bị cúm và không bị đau họng.

Tôi bị đau lưng.

Điều đó làm tôi đau lắm.

Thật khổ sở khi bị đau như vậy.

Tôi luôn luôn bị bệnh.

Tôi bị tất cả các bệnh của trẻ em: sởi, thủy đậu, ho gà, tinh hồng nhiệt và nhiều bệnh khác nữa.

Tôi bị yếu phổi với các tổn thương cũ.

Tôi rất đau ở đầu gối trái nhất là khi bước đi

Tôi thấy đau ở cả hai bên.

Thường tôi bị đau nhiều khi gắng sức hay đi đứng.

Les douleurs sont entrecoupées de longues remissions.

Depuis plusieur années, ma furoncluse continue avec des poussées graves.

Il y a quelques jours, j'ai noté que mes pieds étaient enflés.

Il y a 3 ans, j'ai eu des ennuis analogues.

On m'a traité à domicile.

La maladie a cédé au traitement.

Je devais suivre un régime.

Le traitement ne donne qu'un soulagement de courte durée.

Je ne peux pas préciser le traitement.

Je prenais une potion et des comprimés

C'est difficile de préciser le début de la maladie.

Ce traitement a eu de bons effets.

J'ai des douleurs des reins.

Les douleurs aux poignets gênent beaucoup des mouvements de la vie courrante.

J'ai dû garder le lit pendant une quinzaine de jours.

Je vois que ça va de mal en pis.

J'ai une sensation d'oppression.

On m'a presque guéri.

Mes douleurs ont augmenté progressivement.

J'ai été grippé avec de la fièvre très élevée.

J'ai une perte de sensibilité dans le bras gauche.

Đau ngắt quãng với những đợt thuyên giảm dài.

Từ nhiều năm nay bệnh nhọt của tôi cứ tiếp tục với những đợt kịch phát.

Cách đây mấy ngày tôi thấy chân tôi bị phù.

Cách đây ba năm tôi cũng bị đau hệt như vậy.

Tôi được chữa tại nhà.

Bệnh đã được điều trị khỏi.

Tôi phải theo một chế độ.

Điều trị chỉ đỡ trong một thời gian ngắn

Tôi cũng không nhớ chính xác đã được điều trị như thế nào.

Tôi đã uống một lọ thuốc nước và ít viên thuốc.

Khó xác định được bệnh bắt đầu từ bao giờ.

Điều trị này có kết quả tốt.

Tôi bị đau thận.

Cổ tay đau ảnh hưởng đến những cử động hàng ngày.

Tôi phải nằm liệt giường nửa tháng.

Tôi thấy tình trạng ngày một xấu.

Tôi có cảm giác tức thở.

Tôi được chữa hầu như khỏi.

Tôi cứ bị đau tăng dần lên.

Tôi bị cúm và sốt rất cao

Tôi thấy mất cảm giác ở cánh tay trái.

J'ai été deux fois hospitalisé d'urgence.

Je suis dans un état fébrile à 38^{o}- 39^{o} depuis une semaine.

3. Bác sĩ nhận xét chẩn đoán

Ce n'est pas grave.

Ce n'est qu'une petite indigestion.

Vous souffrez d'une altération générale

Vous avez une toux violente.

J'ai peur que vous ayez une fluxion de poitrine

J'ai noté chez vous une ancienne primo- infection.

Votre paludisme est récidante.

Vous avez des pieds enflés.

Vos troubles sont anciens.

Votre langue est bien chargée.

Cette fois-ci, vous ne pouvez pas être traité à domicile.

Il s'agit d'une appendicite aiguë.

Tu as une petite bronchite, rien de sérieux.

Vous êtes très pâle, monsieur.

Le ventre est météorisé, le foie et la rate ont augmenté.

Vous vous en tirerez.

Vous êtes tout enrhumé.

Cela se voit que vous avez de la fièvre.

Votre température doit être bien élevé.

Votre angine est chronique.

Tôi được đưa vào viện cấp cứu 2 lần.

Tôi luôn trong trạng thái sốt 38^{o}- 39^{o} từ một tuần nay.

Không nặng lắm đâu.

Chỉ hơi khó tiêu thôi.

Anh bị giảm sút thể trạng chung.

Anh bị ho nặng.

Tôi sợ anh bị xung huyết ở phổi.

Tôi nhận thấy trước đây anh bị lao xơ nhiễm.

Bệnh sốt rét của anh lại tái phát.

Chân anh bị phù.

Rối loạn của anh đã có từ lâu.

Lưỡi bẩn lắm.

Lần này anh không điều trị tại nhà được đâu.

Đây là trường hợp viêm ruột thừa cấp.

Anh bị viêm phế quản nhẹ, không nguy hiểm gì.

Ông xanh xao lắm.

Bụng bị trướng, gan và lách đều to lên.

Anh sẽ khỏi thôi.

Anh bị cảm.

Dễ thấy là anh đang bị sốt.

Nhiệt độ của anh chắc cao lắm.

Bệnh viêm họng của anh là mãn tính.

Je note la présence d'oedèmes d'aspect inflammatoire au niveau de phalanges des doigts.

Je trouve vos genoux assez volumineux.

Le pronostic de votre maladie est généralement bénin si on la traite à temps

Je pense que votre essoufflement vient d'un surmenage professionnel.

Je suis sûr que vous souffrez d'un paludisme aigu.

C'est seulment en éliminant les autrès causes possibles que le diagnostic exact peut être posé.

Les résultats d'examen sont d'une grande importance pour prescrire un traitement.

Je voir que la radiographie thoracique indique un thorax d'un aspect emphysémateur.

Je note un rythme irrégulier et des sons diminués.

Les examens cliniques, électrologiques, radiologiques indiquent une maladie mitrale.

Tout cela permet de conseiller une opération.

Sur la radiographie, il n'y a rien de particulier.

Il y a une complète absence de troubles sensitivo-moteurs.

Les examens complémentaires n'indiquent rien d'anormal.

Les phénomènes douloureux durent au moins deux ans.

Tôi thấy có phù dưới dạng viêm ở các đốt ngón tay.

Tôi thấy đầu gối anh sưng khá to.

Tiên lượng bệnh của ông nói chung là nhẹ thôi nếu điều trị kịp thời.

Tôi nghĩ cơn ngạt của anh do quá sức nghề nghiệp.

Tôi chắc chắn là anh bị sốt rét cấp tính.

Chỉ khi nào loại trừ được các nguyên nhân khác thì mới chẩn đoán chính xác được.

Các kết quả xét nghiệm rất quan trọng để đề ra việc điều trị.

Tôi thấy phim chụp lồng ngực thể hiện một lồng ngực khí phế thũng.

Tôi thấy nhịp tim không đều và tiếng tim nhỏ.

Các khám nghiệm lâm sàng, điện tâm đồ, X-quang cho thấy bệnh van 2 lá.

Tất cả các điều đó cho thấy cần phải mổ.

Trên phim X-quang không có gì đặc biệt cả.

Hoàn toàn không có rối loạn cảm giác vận động.

Các xét nghiệm bổ sung cho thấy không có gì bất thường.

Hiện tượng đau kéo dài ít nhất 2 năm.

4. Bác sĩ thông báo, khuyên, ra mệnh lệnh

Asseyez- vous là, madame, je vais vous examiner.

Couchez- vous ici, je dois faire un diagnostic exact.

Enlevez votre veston et passez dans la pièce voisine.

Ouvrez la bouche et tirez la langue.

Montrez- moi vos doigts.

Il faut que vous gardiez le lit pour une semaine.

Vous devez vous rendre à l'hôpital.

Vous devez vous garder du froid.

Vous serez mis en observation et vous allez passer différents examens.

Vous allez suivre un régime.

Vous devez prendre votre température tous les matins.

Il faut bien soigner votre maladie.

Vous devez vous faire radiographier.

Nous allons pratiquer tous les examens nécessaires et décider de votre hospitalisation.

On vous fera subir encore plusieurs examens complémentaires.

On vous fera des injections nécessaires pour prévenir des complications possibles.

Ce n'est pas grave mais il faut faire attention.

Vous devez remettre cette ordonnance à votre pharmacien.

Cela n'ira pas cette fois-ci.

Bà hãy ngồi xuống kia, tôi sẽ khám cho.

Anh hãy nằm xuống đây, tôi phải chẩn đoán chính xác.

Hãy cởi áo vét ra và qua phòng bên cạnh.

Hãy há miệng và thè lưỡi ra.

Hãy đưa tôi xem những ngón tay của anh.

Anh phải nằm nghỉ một tuần. .

Anh phải đi bệnh viện thôi.

Anh phải giữ khỏi bị lạnh.

Anh sẽ được theo dõi và sẽ qua các khám nghiệm khác nhau.

Anh sẽ phải tuân thủ một chế độ đấy.

Sáng nào anh cũng phải cặp nhiệt độ.

Phải chăm sóc bệnh của anh cẩn thận.

Anh phải đi chụp X-quang.

Chúng tôi sẽ tiến hành các xét nghiệm cần thiết và quyết định sự nhập viện của anh.

Người ta sẽ tiến hành các xét nghiệm bổ sung.

Anh sẽ được tiêm đầy đủ để phòng ngừa các biến chứng có thể.

Không nặng lắm đâu nhưng phải cẩn thận.

Anh phải đưa cái đơn thuốc này cho ông dược sỹ.

Lần này như vậy là không được.

Je vous conseille de suivre un traitement physiothérapique pendant quelque temps.

Vous allez éprouver un soulagement immédiat.

Vous y serez bien soigné.

J'ai peur que vous avez une fluxion de potrine.

On va vous appliquer un traitement anticeptique.

Je vous prescris le traitement par application du permanganate.

Vous devrez vous soigner longtemps avant de sortir de la maison.

Je vais envoyer une infirmière pour faire des piqures.

Ne prenez rien de froid.

5. Trao đổi giữa hai bác sĩ

Ce monsieur est gravement malade.

De quoi souffre- t- i1?

Que donne l'examen clinique de votre malade?

Qu 'est-ce que vous avez noté?

Racontez- moi 1'histoire de sa maladie.

Pas à l'antécédent pathologique?

A-t-on diagnostiqué le malade hospitalisé hier?

Que dit l'enquête familiale?

Les antécédents familiaux confirment le diagnostic.

Qui est-ce qui a posé le diagnostic?

Quel est le diagnostic?

Quels en sont les symptômes?

Donnez-moi son anomnèse.

Tôi khuyên anh hay điều trị lí liệu pháp trong một thời gian.

Ông sẽ cảm thấy dễ chịu ngay.

Ở đó anh sẽ được điều trị chu đáo.

Tôi sợ rằng ông bị sung huyết phổi.

Người ta sẽ điều trị cho ông bằng các thuốc sát khuẩn.

Tôi sẽ hướng dẫn ông điều trị bằng thuốc tím.

Anh phải điều trị lâu dài trước khi có thể ra khỏi nhà.

Tôi sẽ bảo một cô y tá đến tiêm cho ông.

Anh không được ăn uống gì lạnh.

Ông này bị ốm nặng.

Ông ta đau gì thế?

Bệnh nhân của anh khám lâm sàng thấy gì?

Anh nhận thấy gì?

Hãy kể cho tôi bệnh sử của anh ấy.

Không có tiền sử bệnh lý gì à?

Đã chẩn đoán bệnh nhân nhập viện tối qua chưa?

Điều tra về mặt gia đình có gì không?

Tiền sử gia đình xác nhận chẩn đoán.

Ai đã chẩn đoán?

Chẩn đoán thế nào rồi?

Triệu chứng của bệnh là thế nào

Đưa tôi xem tiền sử bệnh của anh ấy.

Quel traitement lui a-t-on prescrit?

Quel en a été le résultat?

Il vient nous consulter pour la première fois.

Quelles radiographies avez-vous pratiquées?

Il éprouve une douleur à 1'estomac.

Aucun trouble digestif ou urinaire?

L'image thoracique est tout à fait normale.

La voûte diaphragmatique gauche est surmontée par une opacité dense.

Je pense que le malade va de plus en plus mal.

Sa maladie est bien compliquée.

Qu'est-ce que le chirurgien soupçonne?

Quels sont les faits cliniques?

La pression artérielle est de 175- 90mmHg

On n'a pas pu pratiquer tous les examens nécessaires à cause de son état général

Le coma a persisté.

Le collapsus a entrainé son décès.

Qu 'est-ce que vous pouvez dire de son état?

Je vais vous présenter les faits cliniques plus tard.

Nous n'avons pas pu le réanimer.

La malade se plaint de 1'alteration de son état général.

A-t-il été hospitalisé à temps?

J'ai noté des fractures du genou et de la mâchoire.

Quel est le caractère de cette cataracte?

Người ta đã điều trị thế nào cho anh ấy?

Kết quả thế nào?

Anh ấy đến ta khám lần đầu tiên.

Anh đã cho chụp điện những gì rồi?

Anh ấy thấy đau ở vùng dạ dày.

Không có rối loạn tiêu hóa hay bài tiết à?

Hình ảnh lồng ngực hoàn toàn bình thường.

Vòm hoành trái bị che bởi một đám mờ đậm.

Tôi nghĩ là bệnh nhân ngày một nặng thêm.

Bệnh của anh ấy rất phức tạp.

Bác sỹ ngoại khoa nghi ngờ là gì?

Những biểu hiện lâm sàng thế nào?

Huyết áp là 175- 90mm thủy ngân.

Đã không thể tiến hành tất cả các xét nghiệm cần thiết vì thể trạng chung của bệnh nhân.

Hôn mê kéo dài.

Tình trạng trụy mạch đã làm bệnh nhân chết.

Anh có thể nói gì về tình trạng của ông ấy.

Sau này tôi sẽ trình bày với anh những biểu hiện lâm sàng.

Chúng tôi đã không thể hồi sức cho ông ấy.

Bà bệnh nhân phàn nàn về tình trạng suy yếu toàn thân của mình.

Anh ấy có được kịp thời đưa vào viện không?

Tôi thấy bị vỡ đầu gối và hàm.   .

Tính chất của đục thủy tinh thể này là gì?

Nous avons appris que le malade avait été frappé de deux hémiplégies gauches.

C’est la raison pour laquelle j’ai pensé à une cataracte d’origine diabétique.

Qu’est-ce que l’anamnèse apprend?

J’hésite encore à prendre une décision quelconque.

Il faudra persuader votre malade.

Il a été hospitalisé d’urgence pour une hémorragie cérébrale.

Quels renseignements complémentaires a-t-il fournis?

Il n’a jamais souffert de troubles cardiaques.

L’hypothèse d’une crise d’asthme ne vous parait pas la plus vraisemblable?

Le malade a des céphalées depuis 6 mois et des douleurs lombaires intenses.

Je voudrais bien savoir votre avis sur ce cas.

Vous avez tort, monsieur

La malade nous a été adressée par l’Institut Oncologique.

Pour le moment, nous ne trouvons rien de particulier.

Il faut 1’envoyer d’urgence à 1’hôpital.

Son état général est très inquiétant.

Sous quelle forme a-t-il eu l’infarctus du myocarde?

Quelle est votre opinion du malade que vous venez d’examiner?

Quelle en a été la cause?

Le diagnostic n’est pas encore fait.

Chúng tôi được biết anh ấy đã hai lần bị liệt nửa người trái.

Chính vì lý do đó mà tôi đã nghĩ đến đục thủy tinh thể do đái đường.

Tiền sử bệnh cho thấy gì?

Tôi còn do dự trước khi quyết định gì đó.

Cần phải thuyết phục bệnh nhân của anh.

Anh ấy đã được đưa vào viện cấp cứu vì chảy máu não.

Anh ấy còn cho biết thêm gì không? .

Anh ấy không bao giờ bị bệnh tim cả.

Anh thấy có thể giả thuyết về một cơn hen không?

Người bệnh bị đau đầu từ 6 tháng nay và đau lưng dữ dội.

Tôi muốn biết ý kiến của anh về trường hợp này.

Thưa ông, ông nhầm đấy.

Bà bệnh nhân được chuyển đến từ Viện ung bướu.

Cho đến giờ, chúng tôi không thấy gì đặc biệt cả.

Cần phải đưa anh ấy đi viện ngay lập tức.

Tình trạng chung của anh ấy là rất đáng lo ngại.

Anh ấy đã bị nhồi máu cơ tim dưới dạng nào?

Ý kiến của anh về người bệnh anh mới khám là thế nào?

Nguyên nhân là gì?

Chưa được chẩn đoán.

Le tableau clinique n ‘est pas du tout celui d’une crise d’asthme.

Qu’est-ce que vous avez noté à 1’examen physique?

Quelle a été l’évolution de la maladie?

Malgré le traitement, il est décédé de 1’insuffisance mitrale.

Pour quelle raison avez-vous recommandé une intervention chirurgicale?

Bệnh cảnh lâm sàng không phải là của một cơn hen.

Khám thực thể anh thấy gì? .

Bệnh tình đã diễn biến thế nào?

Dù được chữa chạy, anh ấy đã chết vì hở van 2 lá.

Vì lẽ gì mà anh đã yêu cầu phải mổ?

III. HỘI THOẠI

Hội thoại 1

Le malade: Bonjour, docteur.

Le docteur: Bonjour monsieur. De quoi souffrez-vous?

M: Je me sens très fatigué, docteur, et à part cela n'ai pas d'appétit, mais j'ai toujours soif.

D: Faites-vous de la fièvre?

M: Je ne sais pas, docteur. Je n'ai pas pris ma température.

D: Vous avez eu tort. Vous devez prendre votre température tous les matins, dans l'après- midi et le soir. N'avez vous pas pris froid?

M: Je ne crois pas, docteur. Je n'ai ni rhume, ni mal de gorge. Je ne tousse pas, mais j'ai mal à la tête.

D: Ouvrez la bouche et tirez la langue...Elle est bien chargée. Qu'avez-vous pris hier soir?

M: Je ne me souviens plus, docteur...Pourtant si. J'ai mangé des fruits qui n'étaient pas encore mûrs. Depuis ce temps- là, je ne vais pas bien.

D: Ce n'est pas grave mais il faut soigner ca. Ce n'est qu'une petite indigestion. Vous allez suivre un régime. Je l'ai noté sur une feuille et vous allez remettre l'ordonnance à votre pharmacien.

M: Merci docteur. Au revoir.

Hội thoại 1

Bệnh nhân: Chào bác sĩ.

Bác sĩ: Chào ông, ông đau gì thế?

BN: Thưa Bác sĩ, tôi cảm thấy rất mệt. Ngoài ra tôi ăn không ngon miệng mà lại luôn khát.

BS: Anh có sốt không?

BN: Thưa Bác sĩ, tôi không biết nữa. Tôi không cặp nhiệt độ.

BS: Thế là không đúng đâu. Anh cần phải cặp nhiệt độ tất cả các buổi sáng, chiều và tối. Anh không bị cảm lạnh chứ?

BN: Chắc là không, thưa bác sĩ. Tôi không bị sổ mũi, không đau họng. Tôi không ho nhưng bị đau đầu.

BS: Anh hãy há miệng và thè 1ưỡi ra... lưỡi bẩn quá. Tối qua anh ăn gì?

BN: Thưa bác sĩ, tôi cũng không nhớ nữa.
A… có đấy, tôi ăn hoa quả chưa thật chín. Từ lúc đó tôi thấy khó chịu

BS: Cũng không nặng đâu, song cần phải chữa đấy, chỉ bị khó tiêu một chút thôi. Anh sẽ phải tuân theo một chế độ. Tôi đã ghi điều đó vào một cái đơn và anh hãy đưa cái đơn đó cho ông dược sĩ của anh nhé.

BN: Cảm ơn bác sĩ. Xin tạm biệt.

Hội thoại 2

Puis- je entrer docteur?

– Entrez, s'il vous plaît - mousieur. De quoi souffrez-vous?

– Je souffre de lumbago, docteur. Cela me fait trop souffrir, surtout au lit et quand il fait froid.

- Est-ce que les douleurs sont diffuses ou frédominents d'un seul côté?

- J'épouve les douleurs des deux côtés, monsieur.

- Est-ce que ces douleurs irradient parfois dans les fesses ou le bassin?

- Parfaitement vrai, monsieur. Les douleurs sont généralement aggravées par les efforts ou la station debout. C 'est bien pénible de supporter ces douleurs, docteur.

- Est-ce que ces douleurs ne sont pas quelquefois intermittentes, monsieur? Elles cessent et puis reprennent par intervalles?

- Oui, elles sont entrecoupées de longues rémissions. Cela me permet de mener une vie plus ou moins normale, monsieur.

- Vois devez vous faire radiographier d'abord. C'est seulement en éliminant les autrès causes possibles (du syndrome douloureux que vous avez) que le diagnostic exact peut être posé.

Hội thoại 2

- Tôi có thể vào được chứ, thưa Bác sĩ?

- Xin mời ông vào, ông đau gì vậy?

- Thưa Bác sĩ, tôi bị đau lưng. Điều đó làm tôi rất đau đớn nhất là khi đi ngủ và khi trời lạnh.

- Đau có tính chất lan tỏa hay là đau trội hơn ở 1 bên?

- Thưa ông, tôi cảm thấy đau cả 2 bên.

- Đôi khi đau lan đến vùng mông hay vùng khung chậu không?

- Đúng như vậy, thưa Bác sĩ. Nói chung đau nhiều khi gắng sức hay khi đứng. Thật là khó khi phải chịu đựng sự đau đớn như vậy, thưa bác sĩ.

- Thỉnh thoảng có đau gián đoạn không? Hết đau rồi lại đau từng lúc một?

- Vâng, thường có từng đợt thuyên giảm dần. Điều đó cho phép tôi có được 1 cuộc sống ít nhiều bình thường, thưa Bác sĩ.

- Trước hết ông phải đi chụp X quang. Chỉ khi nào loại trừ được những nguyên nhân có thể khác (của triệu chứng đau của ông) thì mới chuẩn đoán chính xác được.

Hội thoại 3

- Mon cher Dupont. Avez-vous le temps d'examiner le malade, qui nous attend dans mon cabinet? Je lui ai promis votre consultation. J'hésite encore à prendre une décision quelconque.

- De quoi souffre-t-il?

- D'une altération générale de son état avec un amaigrissement rapide.

- Quel âge a-t-il?

- Il a 60 ans.

- Que donne 1'examen clinique de votre malade?

- Il ne donne rien. En ce qui concerne la rate, elle est palpée en inspiration profonde.

- Quelles radiographies avez-vous pratiquées?

- Les radiographies du squelette et le splénogramme. Le splénogramme est remarquable.

- Est-ce que vous n'avez pas noté une adénopathie axillaire?

- Si, mais très discrète.

- Il faudra pratiquer une ponctionbiospie ostéo-médullaire avant de poser le diagnostic.

- N'êtes- vous pas d'accord?

- Pourquoi pas, si le malade l'accepte.

- Il vous faudra le persuader, bien entendu.

Hội thoại 3

- Anh Dupont thân mến. Anh có thời gian khám cho người bệnh đang chờ chúng ta trong phòng của tôi không? Tôi đã hứa với ông ấy là anh sẽ khám cho. Tôi đang do dự chưa quyết được.

- Ông ấy đau gì vậy?

- Thể trạng của ông ấy nói chung giảm sút và gầy đi nhanh chóng.

- Ông ấy bao nhiêu tuổi?

- Ông ta 60 tuổi.

- Bệnh nhân của anh khám lâm sàng thấy gì không?

- Không thấy gì cả. Khám chỉ sờ thấy lách khi bệnh nhân hít vào sâu.

- Anh đã chụp những phim X quang nào? .

- Đã chụp phim bộ xương và làm lách đồ. Lách đồ đáng chú ý đấy.

- Anh không thấy hạch nào ở nách chứ?

- Có, nhưng rất lẩn.

- Cần phải tiến hành chọc dò sinh thiết tủy xương trước khi chẩn đoán.

- Anh có đồng ý như vậy không?

- Có chứ miễn là bệnh nhân đồng ý.

- Tất nhiên anh sẽ phải thuyết phục ông ấy chứ.

Hội thoại 4

- Il faut que vous gardiez le lit, madame. Vous avez une toux violente. Vous faites de la fièvre et j'ai peur que vous n'ayez pas fluxion de poitrine.

- Bien, docteur. Je me coucherai sans délai.

- Et qui va vous soigner dans la maladie?

- Je me soigne toujours moi- même

- Cela n'ira pas cette fois-ci madame. Vous devez vous rendre à 1'hôpital.

- Pour quoi faire, docteur?

- On vous y fera des injections nécessaires pour prévenir des complications possibles. N'oubliez pas que l'on a noté chez vous une primo- infection tuberculeuse à 1'âge de 16 ans. Vous devriez vous garder du froid.

- Et bien, si vous insistez sur une hospitalisation, je m'y soumets, docteur.

- Parfaitement bien. On vous fera subir encore plusieurs examens complémentaires. Enfin vous y serez proprement soignée.

- Je vous remercie, docteur, pour votre conseil. Je vais suivre vos recommandations, soyez en sur.

Hội thoại 4

- Thưa bà, bà cần phải nằm nghỉ một chỗ. Bà bị ho khá nặng đấy. Bà bị sốt và tôi e rằng không phải là bà bị xung huyết ở phổi đâu.

- Vâng, thưa Bác sĩ. Tôi sẽ nằm nghỉ ngay lập tức.

- Ai sẽ trông nom bà trong khi bị bệnh?

- Tôi luôn luôn tự chăm sóc cho mình thôi.

- Thưa bà, lần này không được đâu. Bà cần phải vào bệnh viện.

- Để làm gì, thưa Bác sĩ?

- Ở đó, bà sẽ được tiêm những thuốc cần thiết đề phòng những biến chứng có thể xảy ra. Không được quên là bà đã bị lao xơ nhiễm khi bà 16 tuổi. Bà cần phải giữ cho khỏi bị lạnh.

- Vâng, nếu như ông đã nhấn mạnh là phải vào viện, tôi xin tuân theo, thưa Bác sĩ.

- Rất tốt. Người ta sẽ khám bổ sung cho bà và rồi bà sẽ được chăm sóc chu đáo ở đó.

- Thưa Bác sĩ, tôi xin cảm ơn những lời khuyên của ông. Tôi sẽ tuân theo những lời căn dặn của ông, xin ông cứ yên tâm.

Hội thoại 5

- Qu’est-ce qui ne va pas madame?

- J’ai une furonculose des mains, docteur.

- Depuis quand?

- Elle continue, par poussées depuis plusieurs années.

- Quelle est votre profession?

- Je suis ouvrière. Je travaille dans la chimie industrielle.

- Quel traitement vous a-t-on pratiqué?

- On m’a prescrit les bains permanganates, mais ce traitement ne donne qu’un soulagement de courte durée.

- Alors le traitement anticeptique externe n’a pas eu un bon effet, n’est-ce pas?

- Bon effet? Non. Pour quelque temps seulement, monsieur.

- Votre furonculose est récidivante. Vous serez mise en observation dans notre service et vous allez passer différents examens car les résultats d’examens sont d’une grande importance pour prescrire un traitement.

- Pas de remède pour le moment docteur?

- Mais si. Je vous prescris un traitement par application d’ichthyol pur.

Hội thoại 5

- Thưa bà, bà bị đau gì đấy?

- Thưa Bác sĩ, tôi bị 1 cái nhọt ở tay.

- Từ khi nào vậy?

- Từ nhiều năm nay, liên tục với những đợt kịch phát.

- Bà làm nghề gì nhỉ?

- Tôi là công nhân. Tôi làm việc trong ngành hóa công nghiệp.

- Người ta đã điều trị thế nào cho bà rồi?

- Họ hướng dẫn tôi ngâm tay vào thuốc tím nhưng cách điều trị này chỉ làm cho bệnh thuyên giảm trong một thời gian ngắn thôi.

- Vậy là điều trị bằng các thuốc sát khuẩn bên ngoài không có tác dụng tốt phải không?

- Tác dụng tốt ư? Không, thưa ông, chỉ được một thời gian ngắn thôi.

- Bệnh nhọt của bà đang tái phát, bà sẽ được theo dõi trong khoa của chung tôi và sẽ được xét nghiệm nhiều mặt. Những kết quả xét nghiệm sẽ rất quan trọng cho việc điều trị.

- Thưa bác sĩ hiện không có phương thuốc gì sao?

- Có chứ.Tôi sẽ hướng dẫn bà điều trị bằng cách bôi Ichthyol nguyên chất.

Hội thoại 6

- Quand est-ce que vos ennuis ont commencé, madame?

- C'est assez difficile de préciser le début de la maladie docteur, mais je pense, qu'il y a déjà quelques semaines que je ne me sens pas bien.

- Quelles sensations avez-vous éprouvées à cette époque- là?

- De la fièvre, des frissons, des douleurs aux reins. Et il y a quelques jours j'ai noté que mes pieds étaient enflés.

- N'avez-vous jamais été malade?

- Si, monsieur. Il y a à près trois ans, j'ai eu des ennuis analogues. On m'a alors traitée à domicile et la maladie a cédé au traitement.

- Quel traitement avez-vous suivi?

- Je ne peux pas le préciser monsieur. Je prenais quelques médicaments, une potion, des comprimés. Je devais suivre un régime.

- Alors vos troubles sont anciens madame, puisqu'ils ont débuté environ 3 ans auparavant. Cette fois-ci, vous ne pouvez pas être traitée à domicile.

- Je crois que vous avez raison, monsieur. Je sens que je ne suis pas dans mon état normal.

- Nous allons pratiquer tous les examens nécessaires et décider de votre hospitalisation. Maintenant couchez- vous ici, madame, je vais vous examiner.

Hội thoại 6

- Thưa bà, bà bị đau từ khi nào vậy?

- Thưa bác sĩ, thật khó mà xác định được lúc bắt đầu bị bệnh nhưng tôi thấy đã vài tuần nay không được khỏe.

- Bà thấy có những triệu chứng gì khi đó?

- Sốt, rét run, đau vùng thận. Và vài ngày nay tôi nhận thấy phù ở hai bàn chân.

- Bà không bao giờ bị ốm à?

- Có chứ, thưa ông. Cách đây gần 3 năm tôi đã bị đau như vậy. Người ta đã điều trị cho tôi tại nhà và nhờ vậy mới khỏi bệnh.

- Bà đã được điều trị bằng gì?

- Thưa ông, tôi không thể nói chính xác được. Tôi đã dùng 1 vài thứ thuốc, một lọ thuốc nước, ít viên thuốc.Tôi phải tuân theo một chế độ.

- Thưa bà, vậy thì những rối loạn của bà đã lâu rồi vì chúng đã bắt đầu chừng ba năm trước đây. Lần này là không thể điều trị được tại nhà đâu.

- Vâng, ông nói đúng đấy. Tôi cảm thấy thể trạng của tôi không bình thường.

- Chúng tôi sẽ tiến hành tất cả những khám nghiệm cần thiết và sẽ quyết định về việc nhập viện của bà. Bây giờ bà nằm xuống tôi sẽ khám cho bà.

Hội thoại 7

- M.T est gravement malade. Il vient nous consulter pour la première fois.

- De quoi souffre-t-il?

- De crises comitiales (épileptiques) et des manifestations articulaires douloureuses.

- Quand est-ce que ses ennuis ont commencé?

- Il m'a dit qu'ils avaient commencé en 2016. Il a été hospitalisé d'urgence pour une hémorragie, qui a permis découvrir un anévrisme 1'artère cérébrale antérieure.

- Est-ce que les crises comitiales ont commencé avant sa première hospitalisation?

- Non. C'est à la suite d'une intervention neurochirurgicale pratiquée qu'il a commencé à souffrir de crises comitiales généralisées.

- Quel traitement lui a-t-on prescrit?

- Il prenait alors phénobarbital et ses dérivés.

- Quel en a été le résultat?

- Favorable. Ce traitement était depuis trois ans scrupuleusement suivi depuis onze ans, car le moindre oubli entrainerait un retour des crises comitiales.

- Qu'est-ce que vous avez trouvé à l'examen physique?

Hội thoại 7

- M.T bị ốm nặng lắm. Đây là lần đầu tiên ông ta đến chúng tôi khám.

- Ông ta đau gì vậy?

- Các cơn động kinh và những biểu hiện đau ở các khớp.

- Ông ấy bị đau từ khi nào?

- Ông ta nói từ năm 2016. Ông ta được vào cấp cứu ở bệnh viện vì một xuất huyết màng não và chính vì vậy mà phát hiện được sự phình mạch của động mạch não trước.

- Những cơn động kinh đã bắt đầu từ trước lần vào viện đầu tiên của ông ư?

- Không, sau một phẫu thuật thần kinh, ông ta bắt đầu bị những cơn động kinh toàn thân.

- Người ta đã điều trị bằng gì?

- Khi đó ông ta dùng phenobarbital và các dẫn xuất của nó.

- Kết quả thế nào?

- Tốt đấy. Từ ba năm nay phải theo sát điều trị vì chỉ quên 1 chút thôi là lại bị động kinh ngay.

- Khi khám thực thể anh có thấy gì không?

- Il a des douleurs aux deux épaules, aux poignets et aux mains.

- Est-ce qu'elles gênent les mouvements?

- Les douleurs gênent beaucoup les mouvements de la vie courante.

Hội thoại 8

- C'est mon anamnèse docteur. Ce sont des clichés radiographiques (radiagrammes, radiographies) et les résultats de l'examen complémentaire.

- De quoi souffrez-vous, madame?

- Je souffre de rhumatisme articulaire aigu. Regardez, docteur, comme mes doigts et mes genoux sont enflés. La peau est presque rouge et les doigts me brûlent. Il me semble que j'ai mal partout.

- Qui a posé le diagnostic?

- C'est à ma première hospitalization dans une autre ville que le diagnostic a été fait.

- Précisez- moi le temps.

- Il y a presque 4 mois. C'était une aggravation de la maladie. Le docteur m'a dit que c'était une cardiopathie. C'est elle qui a rendu nécessaire mon hospitalisation.

- A-t-on réussi à vous soulager?

- Có những biểu hiện đau ở cả hai vai, cổ tay và bàn tay.

- Điều đó có làm cho vận động khó khăn không?

- Những chỗ đấy ảnh hưởng nhiều đến những hoạt động trong cuộc sống hàng ngày.

Hội thoại 8

- Thưa Bác sĩ, đây là bệnh sử của tôi. Còn đây là những phim X- quang và những kết quả xét nghiệm thêm.

- Thưa bà, bà bị đau gì vậy?

- Tôi bị thấp khớp cấp. Bác sĩ hãy xem đây, các ngón tay và các khớp gối của tôi bị sưng tấy lên. Da thì gần như bị đỏ lên và những ngón tay thì nóng rực. Dường như chỗ nào cũng đau.

- Ai đã chẩn đoán đấy?

- Người ta đã chẩn đoán trong lần nằm viện của tôi ở thành phố khác.

- Khi nào vậy?

- Cách đây gần 4 tháng. Khi bệnh nặng lên, Bác sĩ nói đó là bệnh tim. Chính bệnh đó đã buộc tôi phải nằm viện.

- Người ta đã làm cho bệnh của bà giảm rồi phải không?

- Oui, monsieur. On m'a presque guérie. Mais j'ai dû quitter l'hôpital pour des raisons de famille.

- Quelle maladie avez-vous eue récemment?

- J'ai eu une amygdalite et de la fièvre. J'ai du garder le lit pendant une quinzaine de jours.

- Asseyez-vous là, madame. Je vais vous examiner. Je dois faire un diagnostic exact, car le diagnostic commande le traitement de la maladie.

Hội thoại 9

- Quel âge avez-vous, madame?

- J'ai 37 ans.

- Bon. De quoi souffrez-vous?

- J'ai des douleurs dans les doigts et les genoux. Elles gênent les mouvements de la vie courante.

- Montrez- les moi. Je note la présence d'oedèmes d'aspect inflammatoire au niveau des phalanges des doigts, surtout de la main droite. Faites-vous de la fièvre?

- Oui, docteur, mais elle n'est pas très élevée.

- Combien?

- 37˚3, 37˚6 environ.

- Vâng, thưa ông. Người ta đã chữa gần như khỏi cho tôi. Nhưng tôi đã phải rời viện vì những lý do gia đình.

- Gần đây bà bị bệnh gì?

- Tôi bị viêm amidal và sốt. Tôi đã phải nằm trong 15 ngày.

- Mời bà ngồi xuống kia. Tôi sẽ khám cho bà. Tôi phải chẩn đoán chính xác vì như vậy mới điều trị được bệnh.

Hội thoại 9

- Thưa bà, bà bao nhiêu tuổi?

- Tôi 37 tuổi.

- Bà đau gì vậy?

- Tôi bị đau các ngón tay và đầu gối. Điều đó làm cho các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày của tôi bị khó khăn.

- Hãy cho tôi xem nào. Tôi thấy phù dưới dạng viên ở các đốt ngón tay, nhất là bàn tay phải. Bà có bị sốt không?

- Có, thưa Bác sĩ, nhưng không cao lắm.

- Bao nhiêu?

- Chừng 37˚3, 37˚6.

- Quand est-ce que vous avez noté le début de ces troubles?

- Il y a quelque temps. J'ai été grippée avec de la fièvre très élevée, mais j'ai pas eu de possibilité de garder le lit, et mes douleurs ont augmenté progressivement.

- Je trouve vos genou assez volumineux. N'avez-vous pas eu d'antécédents de rhumastisme articulaire, madame?

- Non, monsieur, pas d 'antécédents articulaires.

- Quelles sensations éprouvées encore? Des douleurs dans la poitrine, par exemple? Des troubles cardiaques peut- être?

- Non, docteur. J'étais toujours bien portante.

- Voici une ordonnance. Ce médicanent vous fera du bien. Vous allez prendre 6 comprimés trois fois par jour: 2 comprimés au déjeuner, 2 au dîner et 2 au souper.

- Est-ce que ce médicament va me soulager de douleurs?

- Il donne un soulagement complet bien sûr. Mais cette amélioration sera de courte durée sans doute, si vous cessez le traitement.

- Je vous remercie,docteur. J'apprécie beaucoup votre conseil.

- Bà nhận thấy bắt đầu có những rối loạn đó từ khi nào?

- Đã 1 thời gian rồi ạ. Tôi bị cúm và sốt rất cao, nhưng tôi không thể nằm một chỗ được và cứ bị đau dần lên.

- Tôi thấy đầu gối bà sưng khá to. Bà không có tiền sử khớp chứ, thưa bà?

- Không, thưa ông, tôi không có tiền sử khớp đâu.

- Bà còn cảm thấy gì nữa không? Ví dụ như đau trong lồng ngực hoặc là những rối loạn về tim?

- Không thưa bác sĩ. Tôi luôn luôn khỏe mạnh.

- Đơn thuốc của bà đây, loại thuốc này sẽ tốt cho bà. Bà uống 6 viên mỗi ngày, chia làm 3 lần: 2 viên vào bữa ăn trưa 2 viên vào bữa ăn tối và 2 viên vào bữa ăn đêm.

- Loại thuốc này có giảm đau không?

- Tất nhiên rồi, nó sẽ giảm đau toàn thân. Nhưng nếu bà ngừng điều trị thì chắc chỉ đỡ 1 thời gian ngắn thôi.

- Xin cảm ơn bác sĩ. Tôi rất tin vào lời khuyên của bác sĩ.

Hội thoại 10

- Voici, docteur, une radiographie thoracique.

- Donnez- la- moi. Je vois bien qu'elle indique un thorax d'un aspect emphysémateux.

- Est-ce que c'est grave?

- Le pronostic de votre maladie est généralement bénin, si on la traite convenablement et à temps.

- Je vais suivre vos conseils strictement, docteur.

- Combien de temps êtes- vous souffrant?

- Il y a déjà presque un an, je crois.

- Avez-vous eu des crises d'étouffement à l'effort?

- Oui, monsieur. Je pense que l'éssoufflement à l'effort vient d'un surmenage professionnel. Je suis vendeur dans un magasin.

- Je vois que vous toussez, monsieur. Depuis quand vous l'avez remarqué?

- Je tousse presque sans cesse. Mais je pense que c'est une bronchite chronique. Beaucoup de personnes en souffrent.

- Est-ce que vous fumez, monsieur?

- Je viens de cesser de fumer à cause de mes étouffements.

- Couchez- vous ici, monsieur. Je vais vous examiner.

- Dois- je enlever mon veston?

Hội thoại 10

- Thưa Bác sĩ, đây là một phim về lồng ngực.

- Hãy đưa tôi xem nào. Tôi thấy rõ ràng nó thể hiện một lồng ngực có dạng khí phế thũng.

- Có nặng lắm không ạ?

- Tiên lượng bệnh của ông nói chung nhẹ thôi, nếu người ta điều trị thích hợp và kịp thời.

- Thưa Bác sĩ, tôi sẽ theo đúng lời khuyên của ông.

- Ông bị đau bao lâu rồi nhỉ?

- Hình như là đã gần 1 năm rồi ạ.

- Ông có bị những cơn ngạt thở khi gắng sức không?

- Thưa ông có ạ. Tôi nghĩ rằng cơn ngạt của tôi là do quá sức nghề nghiệp. Tôi là người bán hàng trong một cửa hàng.

- Thưa ông, tôi thấy ông ho nhiều đấy. Ông có để ý bị từ bao giờ không?

- Tôi gần như ho liên tục. Nhưng tôi nghĩ đó chỉ là viêm phế quản mãn tính. Nhiều người cũng bị như vậy.

- Ông có hút thuốc không?

- Tôi vừa mới ngừng hút do bị ngạt thở.

- Ông hãy nằm xuống. Tôi sẽ khám cho ông.

- Tôi có phải cởi áo vét của tôi ra không ạ?

- Oui, bien sûr. Bon. Avez-vous des douleurs dans la poitrine?

- Très discrètes parfois.

- Je note un rythme irrégulier et des sons diminués. Cela vous fait mal quand j'appuis sur votre ventre? Vous sentez quelque chose par ici? Non?... Le foie est un peu gros. Maintenant voyons,quelle est votre tension artérielle. Elle est assez normale. Bon

- Est-ce pour longtemps, ma maladie?

- Cela dépend de vous- même, monsieur.

- Que dois- je faire pour me guérir le plus tôt possible?

- Suivez le régime de traitement que je vais vous prescrire avec une grande patience.

Hội thoại 11

- Quels troubles ont rendu nécessaire 1'hospitalisation de votre malade âgée de 65 ans?

- Malgré un traitement tonicardiaque et diurétique, une aggravation de la cardiopathie a rendu nécesaire 1'hospitalisation pour faire de examens.

- Est ce que ses antécédents sont importants?

- Ah, oui, les antécédents du rhumatisme articulaire aigu sont très importants.

- Pour quelle raison avez-vous recomandé intervention chirurgicale?

- Vâng, tất nhiên. Được rồi. Ông có bị đau ngực không?

- Thỉnh thoảng có thoáng đau.

- Tôi thấy nhịp tim không đều và tiếng tim hơi nhỏ. Khi tôi ấn lên bụng ông có làm cho ông đau không? Ông có cảm thấy có cái gì ở đây không? Không à? Gan hơi to đấy. Bây giờ xem huyết áp của ông thế nào nhé. Khá bình thường, được rồi.

- Bệnh của tôi còn kéo dài không ạ?

- Thưa ông, điều đó chỉ phụ thuộc vào ông thôi.

- Tôi phải làm gì để có thể khỏi được nhanh nhất?

- Hãy tuân thủ chế độ và sự điều trị mà tôi vạch ra một cách thật kiên trì.

Hội thoại 11

- Bà bệnh nhân 65 tuổi của anh phải vào viện vì những rối loạn gì vậy?

- Mặc dù được điều trị trợ tia và lợi tiểu, bệnh tim nặng thêm đã buộc bà ấy phải vào viện để được khám nghiệm.

- Tiền sử bệnh của bà ta có gì quan trọng không?

- À, có đấy, tiền sử về thấp khớp cấp rất nặng.

- Vì lý do gì mà anh khuyên bà ấy mổ?

- Les examens cliniques, radiologiques et hemodynamiques indiquent une maladie mitrale et permettent de conseiller une opération.

Hội thoại 12

- Combien de temps êtes- vous souffrant, monsieur?

- Il y a une semaine à peu près.

- Vous êtes donc très malade?

- Pas précisément. Il y a trois ans déjà que je ne me sens pas à mon aise.

- Qu'est-ce qui ne va pas?

- J'ai des douleurs dans la poitrine, docteur.

- Quelles douleurs sentez- vous encore?

- Je n'éprouve jamais de douleurs inquiétantes sauf des douleurs dans la poitrine. Mais maintenant je vois que ça va de mal en pis. C'est une sensation d'oppression et des nausées que j'éprouve aussi.

- Est-ce que vous vous trouvez essoufflé à l'effort?

- Oui, monsieur même trop quelquefois.

- Je vous conseille d'entrer dans un service de cardiologie. Vous allez y subir des examens nécessaires au traitement qui va enlever rapidement les douleurs. Vous allez éprouver un soulagement immédiat. Vous y serez bien soigné, enfin.

- Các khám nghiệm lâm sàng, X-quang và huyết động đã chỉ rõ một bệnh van hai lá và cho thấy phải mổ.

Hội thoại 12

- Thưa ông, ông bị đau từ bao lâu rồi?

- Đã gần 1 tuần nay.

- Ông mệt lắm phải không?

- Không hẳn như vậy. Đã từ 3 năm nay tôi thấy khó chịu rồi.

- Khó chịu về cái gì vậy?

- Thưa Bác sĩ, tôi đau ở trong ngực.

- Ông còn cảm thấy đau gì nữa không?

- Tôi không bao giờ thấy đau đến mức phải lo lắng cả trừ những lần đau ngực. Nhưng bây giờ tôi thấy ngày một tồi tệ hơn. Tôi còn cảm thấy bị đè ép và buồn nôn.

- Ông có cảm thấy khó thở khi gắng sức không?

- Có, thưa ông, đôi khi rất nặng nữa.

- Tôi khuyên ông nên đến khoa tim. Ông sẽ được khám nghiệm đầy đủ ở đó và sau đó sẽ được điều trị. Sự điều trị này sẽ làm ông hết đau rất nhanh. Ông sẽ cảm thấy dễ chịu ngay. Tóm lại, ở đó ông sẽ được chăm sóc chu đáo.

Hội thoại 13

- Qu’est-ce que vous avez trouvé chez la malade, âgée de 71 ans, à son entrée dans le service cardiologique?

- Elle a été hospitalisée pour des douleurs thoraciques rétrosternales intenses avec des sensations d’oppression et des nausées.

- Et bien, qu’est-ce que vous avez noté à l’examen physique?

- Les douleurs thoraciques continuaient toujours. J’ai trouvé aussi que la tension artérielle maxima a baissé à 110, le pouls était à 72. Les bruits du coeur étaient sourds mais aucun souffle n’était perceptible.

- Quand est-ce qu’elle a commencé à sentir les douleurs au coeur?

- Le jour de son entrée à l’hôpital.

- Et qu’a montré l’électrocardiogramme?

- Il a été très net. Il a montré des aspects typiques d’infarctus du myocarde postérieur, au début.

- Quelle a été l’évolution de la maladie?

- Brutalement, à 4 heures du matin, la pression artérielle a été tombée à 80, le rythme du coeur s’est accéléré et on a vu apparaître un souffle systolique dur et intense dans la zone mésocardiaque.

- Et alors?

- Malgré le traitement,la malade est décédée de 1’ insuffisance mitrale.

Hội thoại 13

- Anh đã khám thấy gì ở bà bệnh nhân 71 tuổi khi bà ấy vào khoa tim?

- Bà ta đã được vào viện vì đau ngực dữ dội ở vùng sau xương ức với cảm giác bị đè ép và buồn nôn.

- Khám thực thể anh thấy gì?

- Bệnh nhân luôn luôn bị đau ngực. Tôi còn thấy huyết áp tối đa đã hạ xuống 110, còn mạch là 72. Các tiếng tim thì trầm nhưng không thấy có tiếng thổi nào cả.

- Bà ấy bắt đầu thấy đau ở tim khi nào?

- Từ hôm bà ấy vào viện.

- Thế điện tâm đồ có cho thấy gì không?

- Rõ lắm. Điện tâm đồ ngay lúc đầu đã cho thấy có dạng điển hình của nhồi cơ tim phía sau.

- Thế tiến triển của bệnh thì thế nào?

- Đột nhiên vào lúc 4 giờ sáng, huyết áp động mạch giảm xuống còn 80, nhịp tim thì nhanh lên và ta đã thấy xuất hiện 1 tiếng thổi tâm thu thô và mạnh vùng giữa tim.

- Và rồi sao nữa?

- Mặc dù được chữa chạy, bệnh nhân đã bị chết vì hở van hai lá.

Hội thoại 14

- Chez qui le docteur Pottiers a été appelé d'urgence ce matin?

- Chez une jeune femme. Il paraît qu'elle a été réveillée dans la nuit par une crise d'étouffement.

- Quelle en a été la cause?

- Le diagnostic n'est pas encore fait.

- Qu'est-ce que le docteur a trouvé à 1'examen physique ?

- II a constaté un état fébrile d'aspect grippal avec de la fièvre à 39˚, des polyalgies, de la céphalée et un catarrhe rhinopharyngé. Elle a eu une toux quinteuse avec les crachats mousseux.

- Quels renseignements complémentaires a-t-elle fournis?

- Elle a dit que depuis quelques semaines elle se trouvait anormalenent essoufflée à l'effort et qu'elle toussait à la suite d'une marche rapide.

- Est-ce qu'elle n'a jamais souffert de troubles cardiaques?

- Non. Elle a dit qu'elle était toujours bien portante.

- Est-ce que l'hypothèse d'une crise d'asthme ne vous parait pas la plus vraisemblable?

Hội thoại 14

- Sáng nay, Bác sĩ Pottiers đã được mời đến cấp cứu ở nhà ai vậy?

- Ở nhà một phụ nữ trẻ. Hình như chị ta bị thức giấc trong đêm bởi một cơn ngạt.

- Nguyên nhân ngạt là gì?

- Hiện còn chưa có chẩn đoán.

- Bác sĩ đã thấy gì khi khám thực thể?

- Ông ấy nhận thấy bệnh nhân bị sốt dạng cúm với nhiệt độ là 39˚, đau mình mẩy, đau đầu và xuất tiết ở mũi họng. Chị ấy bị ho từng cơn, rồi khạc ra đờm có bọt.

- Chị ta có cho biết thêm gì không?

- Chị ấy nói rằng từ vài tuần nay, chị ấy khó thở một cách không bình thường khi gắng sức vì chị ấy ho khi đi nhanh.

- Chị ấy không bao giờ bị bệnh tim chứ ?

- Không, chị ấy nói rằng trước đây luôn khỏe mạnh.

- Có thể giả thuyết về một cơn hen không?

- Non. Sans aucun antécédent allergique ni respiratoire, le tableau clinique n'est pas du tout celui d'une crise d'asthme: Il n'y a pas de bradypnée expiratoire, ni de râles bronchiques, au contraire, une expectoration mousseuse est bien différente des crachats visqueux de l'asthmatique.

- Quant à moi, je suis d'accord avec vous, docteur.

Hội thoại 15

- Quel diagnostic avez-vous posé dans le cas de la petite fille avec troubles cardiaques?

- Il s'agit d'un cas de bloc auriculo-ventriculaire congénital, n'est-ce pas?

- Si. Cette affection, c'est-à-dire la cardiopathie, est assez rare chez les enfants.

- I1 paraît seulement que c'est rare, mais la pratique de l'électrocardiogramme, au des bradycardies de tout jeune âge, a permis de mettre plus cette anomalie souvent évidence.

- Quel âge avait-elle quand elle a présenté les premiers symptomes de la maladie?

- Vous savez, l'un de nous a eu l'occasion de dépister ces symptomes dès les premières semaines de la vie. L'enfant avait été examinée pour la première fois à l'âge de 15. Nous l'avons suvie jusqu'à maintenant, cette fillette.

- Quel âge a-t-elle aujourd'hui?

- Không, không có một tiền sử nào về dị ứng cũng như về hô hấp cả, bệnh cảnh lâm sàng không phải là của một cơn hen. Không có khó thở chậm ở thì thở ra, không có ran phế quản, trái lại khạc đờm có bọt thì khác nhiều với đờm dính quánh của bệnh nhân hen.

- Tôi đồng ý với anh, bác sĩ ạ.

Hội thoại 15

- Anh đã chẩn đoán thế nào về trường hợp của cháu bé gái có rối loạn về tim ấy?

- Đây là một trường hợp chèn nhĩ thất bẩm sinh phải không?

- Vâng, bệnh này là một bệnh tim khá hiếm ở trẻ em.

- Chỉ là ít gặp thôi, còn việc ghi điện tâm đồ ở mỗi cháu bé có nhịp tim chậm thường cho thấy rõ bất thường này.

- Cô bé lên mấy khi có những triệu chứng đầu tiên của bệnh?

- Anh biết đấy, một bác sĩ trong chúng tôi đã có dịp phát hiện ra hội chứng này ngay từ những tuần đầu tiên của đứa trẻ sinh ra, cháu bé được khám lần đầu khi mới được 15 ngày. Chúng tôi đã theo dõi cháu đến hôm nay.

- Bây giờ cháu ấy bao nhiêu tuổi?

- Elle a 8 ans. Comme je viens de vous dire, la petite était en observation. A 3 mois, le cardiologue avait constaté l'existence d'un bloc auriculo-ventriculaire au stade II. Revue à six ans, l'électrocardiogramme a montré l'alternance d'un bloc auriculo-ventriculaire au stade II et au stade III.

- Quand est-ce qu'on a noté un bloc complet?

- On l'a constaté chez la petite à l'âge de 7 ans, lorsqu'elle a été revue à la suite d'une infection à streptocoques hémolytiques, on a trouvé l'existence d'un bloc auriculo-ventriculaire complet.

- Comment se trouve-t-elle à présent?

- Les résultats de l'examen clinique, radiologique et électrocardiographique n'ont pas changé: on constate toutefois que la fréquence de battements cardiaques qui est de 52 au repos, n'augmente pas à la suite d'un effort.

Hội thoại 16

- Quelle est votre opinion du malade que vous venez d'examiner?

- Il a une tachyarythmie et une insuffisance aortique d'origine récente.Le rythme cardiaque se maintient à 105, en mêne temps qu'on entend un souffle diastolique parasternal gauche d'insuffisance aortique.

- Cháu 8 tuổi rồi. Như tôi vừa nói với anh, cháu đã được theo dõi sát. Lúc được 3 tháng, bác sĩ tim mạch đã nhận thấy sự tồn tại của một blốc nhĩ-thất cấp II. Khám lại khi cháu lên sáu tuổi, điện tâm đồ cho thấy có sự xen kẽ của một blốc nhĩ-thất cấp II và blốc nhĩ-thất cấp III.

- Khi nào thì thấy blốc hoàn toàn?

- Người ta thấy lúc cháu bé 7 tuổi, khi cháu được khám sau một nhiễm trùng do liên cầu tan máu, người ta đã thấy có một blốc nhĩ thất hoàn toàn.

- Hiện nay cháu bị thế nào rồi?

- Các kết quả khám lâm sàng, X-quang và điện tâm đồ không thay đổi, tuy nhiên người ta nhận thấy tần số tim 52 khi nghỉ ngơi không tăng lên sau khi gắng sức.

Hội thoại 16

- Anh có ý kiến gì về người bệnh anh vừa khám?

- Ông ấy bị một biểu hiện tim loạn nhịp nhanh và biểu hiện hở van động mạch chủ mới xảy ra. Nhịp tim là 105, đồng thời người ta nghe thấy tiếng thổi tâm trương cạnh bờ trái xương ức của hở van động mạch chủ.

- Vous a-t-il dit qu'en 2015 il avait eu une brucellose typique?

- Il ne m'a rien dit à propos de la brucellose. Quelle est sa profession?

- C'est un cultivateur. Il a eu cette maladie au cours d' une épizootie.

- Mais l'atteinte de l' appareil cardio- vasculaire est très rare à la suit de la brucellose. Quand est-ce qu'il a commencé à sortir de crises de tachyarythmie?

- Quelques mois après le début de la brucellose.

- Il a probablement reçu un traitement digitalo-diurétique, n'est-ce pas?

- Il ne peut pas préciser le traitement. Il nous est adressé par le Dr Magnet avec le diagnostic d'une asthénie persistante.

- Mais il paraît être en bon état général.

- Oui,mais il a des troubles cardiaques. Une radiographie thoracique montre une dilatation du ventricule gauche. Voici le cliche. Vous pouvez l'étudier.

- Ah... Je Vois... Une dilatation du ventriculaire. Je peux voir la courbe électrocardioscopique?

- Je vous en prie. Elle est bien curieuse.

- Oui, je vois une fibrillation auriculaire gauche. C'est vraiment grave. Il faut l'hospitaliser sans délai.

- D'accord.

- Ông ấy có nói với anh rằng năm 2015 ông ấy bị bệnh Brucella điển hình không?

- Ông ấy không nói gì với tôi về bệnh Brucella cả. Ông ta làm nghề gì nhỉ?

- Đó là một nông dân, ông ta bị bệnh này khi có một bệnh dịch súc vật.

- Những tổn thương của bộ máy tim mạch sau khi bị Brucella là hiếm gặp lắm. Ông ấy bắt đầu bị các cơn loạn nhịp nhanh khi nào?

- Một vài tháng sau khi bắt đầu bị bệnh Brucella.

- Ông ta được điều trị bằng trợ tim và lợi tiểu phải không?

- Ông ấy không thể nói rõ về điều trị của mình. Ông ta được Bác sĩ Magnet gửi tới chúng tôi với chẩn đoán là suy nhược kéo dài..

- Nhưng dường như thể trạng chung của ông ấy thì tốt.

- Vâng, nhưng ông ấy có những rối loạn về tim. Phim X-quang lồng ngực cho thấy thất trái bị giãn. Phim đây. Anh có thể xem.

- A, Tôi thấy rồi… có một sự giãn của thất trái. Tôi có thể xem đường cong điện tâm đồ được không?

- Xin mời anh. Điện tâm đồ khá khó hiểu.

- Vâng tôi thấy rồi: bị rung nhĩ, dày thất trái. Thực sự nặng đấy. Cần phải cho ông ta vào viện ngay thôi.

- Đồng ý.

Hội thoại 17

- C’est un après-midi que nous avons été appelés d’urgence au-près de M.R qui a presenté un tableau clinique typique d’infarctus du myocarde.

- Quand est-ce que le malade a commencé à éprouver la douleur?

- Le commencement de la douleur remonte à la veille au soir.

- Est-ce que l’électrocardiogramme confirme votre diagnostic?

- Parfaitement. Un électrocardiogramme pratiqué au lit du malade l’a confirmé.

- Quel traitement prescrivez-vous dans 1’infarctus du myocarde?

- Nous pratiquons une injection intraveineuse d’une ampoule de morphine, qui supprime rapidement la douleur. Nous avons laissé le malade au repos avec la promesse de repasser dans la soirée.

- Et alors?

- Mais c’est en fait beaucoup plus tôt que nous avons été rappelés au chevet de M.R.

- Qu’est-ce qu’il lui est arrivé cette fois-ci?

- Cette fois nous avons été appelés pour le tirer d’ une syncope.

- Avez-vous réussi?

Hội thoại 17

- Vào một buổi chiều, chúng tôi được gọi cấp cứu cho ông M.R, người có một bệnh cảnh lâm sàng điển hình nhồi máu cơ tim. .

- Người bệnh bắt đầu cảm thấy đau từ khi nào?

- Bắt đầu đau từ tối hôm trước.

- Điện tâm đồ khẳng định chẩn đoán của anh chứ?

- Vâng, điện tâm đồ làm tại giường của người bệnh đã khẳng định điều đó.

- Anh đã cho điều trị gì trong nhồi máu cơ tim?

- Chúng tôi tiến hành tiêm tĩnh mạch 1 ống moóc-phin, nó đã làm giảm đau một cách nhanh chóng. Chúng tôi đã để cho người bệnh được nghỉ ngơi và hứa là sẽ quay lại.

- Và rồi sao nữa?

- Nhưng người ta phải gọi chúng tôi tới bên giường của ông M.R sớm hơn nhiều.

- Lần này, điều gì đã xảy ra đối với ông ta vậy?

- Chúng tôi đã được mời đến lần này để cấp cứu tình trạng ngất.

- Các anh đã thành công chứ.

- Oui, certes, à l'aide de l'appareil d'Ambu. Je veux ajouter que deux autres syncopes au cours de la soirée ont rendu nécessaire notre intervention.

- Sous quelle forme a-t-il eu l'infactus du myocarde?

- Il s'agissait, comme le prouvent ces syncopes successives et le trace de l'E.C.G. (1'électrocardiogramme) d'une forme grave de l'infarctus.

- Ainsi le pronostic n'a pas pu être favorable, n'est-ce pas?

- Pas du tout. Un nouvel électro-cardiogramme pratiqué 21 heures après le premier a montré une amélioration tout à fait inattendue.

- Mais la gravité des manifestations cliniques initiales a pu vous rendre très pessimiste, n'est-ce pas?

- Vous avez raison. Mais, depuis, notre malade n'a jamais fait de crise: c'est inoui.

Hội thoại 18

- Ce garçon est gravement blessé. Il faut l'opérer d'urgence.

- Est-ce que vous allez 1'opérer ici? Dans la voiture d'ambulance, docteur?

- Mais oui, certes. C'est un cas d'urgence. Il faut nous presser

- Vâng, tất nhiên rồi, nhờ có máy Ambu. Tôi muốn nói thêm rằng hai lần ngất khác trong đêm buộc chúng tôi phải can thiệp.

- Ông ta bị nhồi máu cơ tim dưới thể nào?

- Các lần ngất liên tiếp và đường cong điện tâm đó đã chứng tỏ rằng đó là một thể nặng của nhồi máu.

- Như vậy tiên lượng không thể khả quan được phải không?

- Không phải thế. Một điện tâm đồ mới được ghi 21 giờ sau lần ghi đầu tiên chứng tỏ bệnh nhân khá lên một cách hết sức bất ngờ.

- Nhưng mức độ nghiêm trọng của các biểu hiện lâm sàng ban đầu đã làm cho anh bi quan phải không?

- Anh nói đúng đấy. Nhưng từ đấy bệnh nhân của chúng tôi không bao giờ lên cơn đau nữa. Thật phi thường.

Hội thoại 18

- Chú bé này bị thương nặng đấy. Cần phải mổ cấp cứu.

- Thưa Bác sĩ, ông sẽ mổ tại đây, ngay trong xe cứu thương à?

- Tất nhiên rồi, đây là một trường hợp cấp cứu, chúng ta phải khẩn trương lên.

- Vous avez raison, docteur. Il a beaucoup de blessures. Il perd du sang, surtout à la lèvre fendue qui saigne trop.

- Justement. Nous allons commencer par là.

- J'espère que l'opération va réussir, docteur.

- Bien sûr. Il s'en tirera.

Hội thoại 19

- Le malade dont vous m'avez parlé tout à 1'heure, présente un cas très urgent. C'est une appendicite aigue, il faut l'envoyer à 1'hôpital d'urgence.

- Vous avez raison. Il doit subir une opération en toute urgence pour éviter des complications graves: 1'inflammation d'appendice, par exemple, et d'autres complications possibles.

- Bien sûr. On voit bien qu'il a des douleurs dont il souffre beaucoup. Son état général est très inquiétant la température élevée, le pouls rapide, il a des nausées et des vomissements. Préparez-le vite. Le temps presse.

- Ông nói đúng, thưa Bác sĩ. Thằng bé bị nhiều vết thương quá. Nó bị mất máu nhiều, nhất là tại chỗ bị rách, máu chảy quá nhiều.

- Đúng thế. Chúng ta sẽ bắt đầu từ đó.

- Thưa Bác sĩ, tôi hy vọng rằng phẫu thuật sẽ thành công.

- Nhất định rồi, chú bé sẽ khỏi thôi.

Hội thoại 19

- Bệnh nhân mà anh nói với tôi lúc này là một trường hợp rất khẩn cấp đấy. Đó là một viêm ruột thừa cấp tính, cần phải đưa anh ấy tới bệnh viện ngay.

- Anh nói đúng. Anh ấy phải được mổ ngay để tránh những biến chứng nặng như viêm nhiễm ruột thừa và những biến chứng có thể khác.

- Nhất định rồi. Ta thấy rõ là anh ấy rất đau. Thể trạng chung của anh ấy rất đáng lo ngại: sốt cao, mạch nhanh, buồn nôn và nôn mửa. Hãy chuẩn bị bệnh nhân nhanh lên. Thời gian gấp lắm rồi đấy.

Hội thoại 20

- De quoi souffrez-vous, monsieur?

- Je souffre de mon rein, docteur. J'ai toujours été très maladif. Dans mon enfance, j'ai collec- tionné toutes les maladies infantiles: la rougeole, la varicelle, la coqueluche, la scarlatine et bien d'autrès. J'avais de la faiblesse pulmonaire avec des séquelles d'anciennes lésions, mais deux ans auparavant on m'avait enlevé un rein.

- En premier lieu, vous devez passer un examen radiologique.

- Si c'est nécessaire.

- Oui, certes. C'est seulement après cela que nous pourrons décider de votre traitement, monsieur. Enlevez votre veston et couchez-vous là. Je dois vous examiner d'abord.

Hội thoại 21

- J'ai subi une intervention chirurgicale pour un adénocarcinome du sein gauche il y a 8 mois, docteur.

- Et de quoi souffrez-vous à présent?

- Mon bras gauche s'est enflé et j'éprouve des douleurs vives irradiées vers le dos et la main.

- Que sentez-vous encore?

- Il me semble parfois que j'ai une perte de sensibilité dans le bras et puis, les doigts me brulent. C'est bien pénible, docteur.

Hội thoại 20

- Thưa ông, ông đau gì vậy?

- Thưa Bác sĩ, tôi bị đau thận. Tôi đã luôn đau yếu. Khi còn nhỏ, tôi bị tất cả những bệnh của trẻ em: bệnh sởi, bệnh thủy đậu, bệnh ho gà, bệnh tinh hồng nhiệt và nhiều bệnh khác nữa. Tôi bị yếu phổi với những di chứng của các tổn thương cũ, nhưng trước đó 2 năm, người ta đã cắt bỏ 1 thận của tôi.

- Trước hết ông phải chiếu điện đã.

- Nếu điều đó là cần thiết.

- Vâng, tất nhiên rồi. Chỉ sau khi xem xét phim, chúng tôi mới có thể quyết định việc điều trị cho ông được. Ông hãy cởi áo vét ra và nằm xuống kia. Trước hết tôi phải khám cho ông đã.

Hội thoại 21

- Thưa Bác sĩ, cách đây 8 tháng, tôi đã được mổ vì bị ung thư tuyến vú bên trái.

- Thế hiện nay bà bị đau gì?

- Cánh tay trái của tôi bị sưng lên và tôi cảm thấy rất đau, đau lan về phía lưng và bàn tay.

- Bà còn cảm thấy gì nữa không?

- Dường như đôi khi tôi bị mất cảm giác ở cánh tay và rồi những ngón tay như lửa đốt. Thưa Bác sĩ, khó chịu lắm ạ.

- Quel traitement avez-vous subi avant ou après l'intervention chirurgicale?

- On m'a fait 60 séances de cobaltothérapie après l'opération, monsieur.

- Vous a-t-on fait aussi une hystérectomie?

- Non, monsieur.

- Quel médicament vous a-t-on prescrit?

- Aucun.

- Maintenant vous allez avoir les examens radiologiques et quelques autres, après quoi vous serez convenablement soignée.

- Puis-je me guérir, docteur?

- J'en suis certain, madame.

- Où dois-je aller?

- Passez dans la pièce voisine et enlevez votre robe.

Hội thoại 22

- Je sais que la malade que vous soignez a été opérée il y a trois ans d'un épithéliosa du sein. Je voudrais bien savoir votre avis sur le cas.

- Vous avez tort, monsieur. Je ne la soigne pas. Elle est en observation dans notre policlinique. Elle est adressée par 1'Institut Oncologique.

- Trước và sau khi mổ bà đã được điều trị gì rồi?

- Thưa ông, sau khi mổ người ta đã điều trị cho tôi 60 buổi bằng liệu pháp Cô ban.

- Người ta cũng đã cắt bỏ tử cung của bà rồi phải không ?

- Thưa ông không ạ.

- Người ta đã kê thuốc gì cho bà rồi?

- Không có thuốc gì cả.

- Bây giờ bà sẽ phải chiếu điện và qua 1 vài xét nghiệm khác nữa, sau đấy bà sẽ được điều trị thích hợp.

- Thưa Bác sĩ, tôi có thể khỏi được không ạ?

- Tôi tin là như vậy, thưa bà.

- Bây giờ tôi phải đi đâu ạ?

- Bà hãy sang phòng bên và bỏ váy ra.

Hội thoại 22

- Tôi biết rằng cô bệnh nhân mà ông điều trị cách đây 3 năm đã được mổ vì một ung thư biểu mô tuyến vú. Tôi muốn biết rõ ý kiến của ông về trường hợp này.

- Thưa ông, ông nhầm rồi. Tôi không điều trị cho cô ấy đâu. Cô ấy được theo dõi trong bệnh viện đa khoa của chúng tôi. Cô ta đã được Viện U học gửi đến cho chúng tôi.

- Quel traitement a-t-elle suivi à 1'Institut?

- Une cobaltothérapie avant et après l'exérèse, puis une hystérectomie totale.

- Quel est le résultat de votre observation?

- Pour le moment, nous ne trouvons rien de particulier.

- Evidemment cette jeune femme a négligé sa santé, car l'épithélioma du sein chez un sujet jeune n'est pas rare et mérite d' être bien connu. Traité à temps, il est de bon pronostic. C'est sourtout traitement chirurgical qui est recommandé comne méthode de choix.

- Bien sûr. Mais il doit être conforme aux principes généraux.

- Oui, certes. Ces principes sont bien connus. La résection doit être suffisamment large même chez une jeune femme. Dans une série étudiée,sur 35 cas d'épithélioma du sein, on a eu 1 récidive après 2 ans et 1 après 4 ans.

Hội thoại 23

- De quoi souffrez-vous, jeune homme? Vous boitez du pied droit?

- Ma jambe, monsieur...

- Vous vous plaignez d'une douleur à la jambe?

- Cô ta đã được điều trị gì ở viện đó?

- Một liệu pháp Cô-ban trước và sau khi cắt bỏ khối u, rồi sau đó là cắt bỏ toàn bộ tử cung.

- Theo nhận xét của anh thì kết quả thế nào?

- Hiện tại chúng tôi không thấy có gì đặc biệt.

- Tất nhiên, người phụ nữ trẻ này đã không chú ý đến sức khỏe của mình, vì ung thư biểu mô tuyến vú ở người trẻ không phải là hiếm và đáng phải được biết. Điều trị kịp thời thì tiên lượng sẽ tốt hơn. Phương pháp điều trị phẫu thuật được coi như một phương pháp nên lựa chọn nhất.

- Tất nhiên. Nhưng nó cũng phải phù hợp với những nguyên tắc chung.

- Vâng, đúng vậy, những nguyên tắc rất rõ ràng. Thủ thuật cắt bỏ phải đủ rộng kể cả ở một người phụ nữ còn trẻ. Trong một loạt người bệnh được theo dõi, cứ 35 trường hợp ung thư biểu mô tuyến vú, người ta gặp một trường hợp tái phát sau hai năm và một trường hợp tái phát sau bốn năm.

Hội thoại 23

- Anh đau gì thế? Có phải anh bị đi khập khiễng ở chân phải không?

- Vâng thưa ông, cái cẳng chân của tôi...

- Anh kêu đau ở cẳng chân phải không?

- Oui, docteur. J'ai reçu un violent coup de chaussure à jambe. J'ai terriblement mal à la jambe, surtout quand je marche.

- Quand est-ce que vous 1'avez reçu ce coup?

- Je 1'ai reçu voilà bientôt dix-huit mois

- Et bien?...

- J'ai des douleurs dans la jambe depuis cette date.

- Avez-vous suivi un traitement?

- Oui, monsieur. On m'a fait suivre un traitement physiothérapique. Mais je boite touiours.

- Est-ce que le traitement n'a pas donné un soulagement plus ou soins complet?

- Pas complet: pour un certain temps seulement. Je voudrais savoir combien de temps les douleurs peuvent durer?

- Les phénosènes douloureux durent parfois au moins deux ans.

- Voici, monsieur, les radiographies de jambe et les résultats d'examen complémentaires.

- Bon. Sur la radiographie il n'y a rien de particulier. Les examens complémentaires n'indiquent rien d'anormal. Il y a une complète absence de troubles sensitivo-moteurs.

- Est-ce que les douleurs ne peuvent pas disparaître spontanément?

- Vâng thưa Bác sĩ. Tôi đã bị một cú giày đá mạnh vào cẳng chân. Tôi đau cẳng chân ghê gớm nhất là khi bước đi.

- Anh đã bị cú đá đó từ bao giờ?

- Tôi bị cách đây gần mười tám tháng rồi..

- Rồi sao nữa?...

- Tôi bị đau cẳng chân từ ngày đó.

- Anh có điều trị gì không?

- Thưa ông, có ạ. Người ta đã điều trị lý liệu pháp cho tôi. Nhưng tôi vẫn bị đi khập khiễng.

- Điều trị không ít nhiều làm anh dễ chịu sao?

- Ít lắm, chỉ trong một thời gian nhất định thôi. Tôi muốn biết có thể còn đau trong bao lâu ạ?

- Những hiện tượng đau đôi khi kéo dài ít nhất phải hai năm đấy.

- Thưa ông, đây là những phim X- quang chụp cẳng chân của tôi và những kết quả xét nghiệm khác.

- Tốt lắm. Trên phim X- quang không thấy có gì đặc biệt cả. Các xét nghiệm bổ sung cũng không cho thấy gì bất thường, Hoàn toàn không có những rối loạn về cảm giác vận động.

- Có bao giờ sẽ tự nhiên hết đau không ạ?

- Pourquoi pas? Cela arrive quelquefois. Mais je vous conseille de suivre un traitement physiothérapique encore une fois pendant quelque temps.

Hội thoại 24

- L'écolier - Boniour, docteur.

- Le médecin - Assieds-toi, je veux te poser quelques questions. Comment t'appelles-tu?

- Je m'appelle Paul Coutan.

- Quelle est la date de ta naissance?

- Je suis né le 27 septembre 2010.

- Quelles maladies contagieuses as-tu eues?

- J'ai eu la rougeole, la varicelle et la coqueluche quand j'étais petit.

- Quand est-ce qu'on t'a fait la dernière fois la vaccination contre la variole?

- L'année passée.

- Bon. Maintenant, dis-moi, souffres-tu de quelque chose?

- Non, je me sens bien, mais je tousse un peu.

- Enlève ta chemise, je vais t'examiner…Bon. Tu as une petite bronchite, rien de sérieux. Voici une ordonnance, ce médicament te fera du bien. Prends 6 compriaés en trois fois par jour: 2 au petit déjeuner, 2 au déjeuner et 2 au dîner. Viens me voir dans deux jours.

- Sao lại không nhỉ? Đôi khi như vậy đó. Nhưng tôi khuyên anh hãy điều trị tiếp lý liệu pháp một lần nữa trong ít lâu đã.

Hội thoại 24

- Học sinh - Chào Bác sĩ ạ

- Thầy thuốc - Cháu ngồi xuống đi, tôi muốn hỏi cháu vài câu. Cháu tên là gì?

- Cháu tên là Paul Coutan

- Cháu sinh năm nào?

- Cháu sinh ngày 27 tháng 7 năm 2010.

- Trước đây cháu có bị bệnh truyền nhiễm nào không?

- Cháu bị sởi, thủy đậu và ho gà khi cháu con nhỏ.

- Người ta đã chủng đậu cho cháu lần cuối vào năm nào?

- Năm ngoái ạ.

- Tốt lắm, bây giờ hãy nói cho tôi, cháu có bị đau gì không?

- Không ạ, cháu cảm thấy khỏe, nhưng cháu hơi bị ho.

- Cháu cởi áo sơ mi ra. Tôi sẽ khám cho cháu. Tốt. Cháu bị một viêm phế quản nhẹ, không có gì nặng đâu. Đơn thuốc đây, thuốc ấy sẽ làm cho cháu khỏe thôi. Hãy uống 6 viên chia làm 3 lần trong ngày 2 viên vào bữa ăn sáng, 2 viên vào bữa ăn trưa và 2 viên vào bữa tối. Hai ngày sau, cháu tới gặp lại tôi.

- Merci bien, docteur. Au revoir.

- Au revoir, mon garçon. Sois bien portant.

Hội thoại 25

- Et bien, ma petite, qu'est-ce qui ne va pas?

- Oh, docteur, ma petite est bien malade. Elle a mal à 1'estomac, elle tousse beaucoup et elle a de la fièvre.

- A-t-elle beaucoup de fièvre?

- 38°9 hier soir, 37°9 ce matin.

- J'ai mal à la tête, docteur, j'ai mal partout.

- On va voir ça. Assieds-toi. Bon. Ouvre ta bouche. Tire la langue. Fais «ah».

- Je ne vois rien dans la gorge. N'aie pas peur, ma petite, tu seras bientôt bien portante. Maintenant je veux écouter ton coeur. Je l'entends battre très vite et très fortement. Couche-toi. Bien. Ça te fait mal quand j'appuie là, sur ton ventre?

- Non, docteur, pas là.

- Et ici, tu sens quelque chose?

- Oui, ça me fait mal.

- Bon. Je vois. Tu n'es pas très malade... Rien de sérieux.

- Oh, docteur je m'inquiétais tant.

- Cháu cám ơn bác sĩ, chào Bác sĩ.

- Chào cháu. Khỏe mạnh nhé.

Hội thoại 25

- Nào, cô bé, cháu bị làm sao thế?

- Ồ, thưa Bác sĩ cháu nhỏ của tôi bị ốm quá. Cháu bị đau dạ dày, cháu ho nhiều và sốt.

- Cháu có sốt nhiều không?

- Tối qua cháu sốt 38°9 và sáng nay là 37°9

- Bác sĩ ơi, cháu bị đau đầu, cháu đau toàn thân.

- Nào, để ta xem nào. Cháu ngồi xuống đi. Tốt, cháu há miệng ra. Thè lưỡi ra nào. Cháu hãy nói "a".

- Tôi thấy họng không làm sao cả. Đừng sợ, cô bé, cháu sẽ khỏe ngay thôi mà. Bây giờ tôi muốn nghe tim cho cháu nhé. Tôi thấy tim đập nhanh và mạnh lắm. Cháu hãy nằm xuống. Tốt lắm. Khi tôi ấn vào chỗ này trên bụng của cháu, cháu có đau không?

- Không, thưa bác sĩ, không đau ở đó.

- Thế ở đây, cháu có cảm thấy gì không?

- Có, cháu đau.

- Được, tôi biết rồi. Cháu không nặng đâu... không có gì trầm trọng cả.

- Thưa Bác sĩ tôi lo lắm.

- Ne vous en faites pas, madame. Ça ira.

- Qu'est-ce qu'il faut lui donner docteur?

- Je vais lui faire prendre quelques médicaments, pour l'estomac et pour la toux. Vous la garderez quelques jours au lit. Après quoi, elle se reposera à la maison un peu et tout ira bien.

- Merci beaucoup, docteur.

Hội thoại 26

- Quelle est la date de naissance de votre enfant?

- 2006, monsieur.

- Comment était la croissance de la petite?

- Normale, monsieur.

- Lui a-t-on fait toutes les vaccinations nécessaires?

- Oui, monsieur. Elles ont bien pris.

- Est-ce que la prophylaxie antipaludéenne a été bien suivie?

- Malheureusement, non.

- Quelles maladies contagieuses a-t-elle eues?

- Elle a eu la rougeole, la varicelle et la coqueluche.

- Elle est très pâle, votre petite, n'est-ce pas?

- Oui, monsieur, je m'en suis aperçu depuis plus de 9 mois.

- Qu'est-ce que vous avez remarqué encore ?

- Thưa bà, bà đừng lo. Mọi việc sẽ tốt thôi.

- Thưa bác sĩ, có phải dùng gì cho cháu không ạ?

- Tôi sẽ cho cháu ít thuốc để điều trị về dạ dày và về ho. Bà cho cháu nằm nghỉ trong vài ngày. Sau đó, cháu sẽ nghỉ ở nhà 1 thời gian ngắn và rồi mọi việc sẽ tốt thôi.

- Rất cảm ơn bác sĩ.

Hội thoại 26

- Cháu của bà sinh năm nào nhỉ?

- Năm 2006, thưa ông.

- Cháu phát triển thế nào?

- Thưa ông, bình thường ạ.

- Cháu được tiêm chủng đầy đủ chứ?

- Vâng, thưa ông, cháu đã được tiêm đủ cả đấy ạ.

- Cháu có được phòng bệnh sốt rét không nhỉ?

- Rất tiếc là không ạ.

- Cháu nhỏ đã bị những bệnh truyền nhiễm gì rồi?

- Cháu đã bị sởi, thủy đậu và ho gà ạ.

- Cháu bé của bà xanh xao quá phải không?

- Vâng, thưa ông, tôi nhận thấy điều này từ hơn 9 tháng này rồi,

- Bà còn thấy gì nữa không?

- Oh, monsieur, j'ai remarqué des accès de transpiration.

- Fait-elle de la fièvre?

- J'e ne l'ai pas contrôlée.

- Déshabillez la petite, couchez-la ici. Bon. Tire ta langue, ma petite. N'aie pas peur. Je ne te ferai pas mal. La langue est sèche. Le ventre est météorisé, le foie et la rate sont augementés.

- Oh... Vous lui faites mal, docteur. Elle comence à pleurer.

- Ça veut dire que son ventre est douloureux.-- Et comment sont ses selles?

- Elle sont liquides. Qu'est-ce qu'elle a, ma petite?

- C'est du paludisme, bien sûr.

- Pourra-t-on la guérir? Oh, je m'inquiète beaucoup.

- Vous n'avez pas à vous inquiéter, madame. Elle va être bien portante bientôt. Elle s'en tirera.

- Merci bien, docteur.

Hội thoại 27

- Tu as mauvaise mine ce matin, mon garçon. Es-tu malade?

- Mais non, je me sens parfaitement bien. Je doi m'en aller tout de suite.

- Thưa ông có ạ, tôi thấy những cơn vã mồ hôi.

- Cháu bé có bị sốt không?

- Tôi đã không theo dõi cháu.

- Bà hãy cởi quần áo cho cháu và đặt cháu nằm xuống đây. Tốt. Cháu hãy thè lưỡi ra. Đừng sợ. Tôi không làm cháu đau đâu. Lưỡi thì khô. Bụng thì chướng, gan và lách đều to lên.

- Ồ... thưa bác sĩ, ông làm cháu nó đau. Nó bắt đầu khóc đấy.

- Điều đó chứng tỏ rằng bụng cháu bị đau. Thế còn phân của cháu bé thì thế nào nhỉ?

- Cháu bị đi phân lỏng. Cháu bị bệnh gì đấy ạ?

- Tất nhiên đó là bệnh sốt rét.

- Có thể chữa khỏi cho cháu được không? Ôi, tôi lo lắm ạ.

- Thưa bà, bà đừng lo. Cháu sẽ sớm khỏe thôi. Rồi cháu sẽ khỏi mà.

- Xin cảm ơn bác sĩ.

Hội thoại 27

- Nào, con trai, sáng nay trông con thiểu não quá. Con bị ốm phải không?

- Không ạ, con cảm thấy hoàn toàn khỏe. Con phải đi ngay đây.

- D’abord tu dois prendre la température. Tu tousses, tu es tout enrhumé. Tes yeux sont rouges. Cela se voit que tu as de la fièvre.

- Oui, la temperature est un peu montée.

- Combien?

- 38˚.

- Déshabille-toi et couche-toi vite. Je ferai venir le médecin. Il va te guérir vite.

(une heure après)

- Le garçon garde le lit? Il est donc très malade? Eh bien? As-tu mal quelque part?

- Non, docteur.

- Tu n’as pas mal à la tête?

- Si, un peu, monsieur.

- Donne-moi ta main, je vais te tâter le pouls. Il est fréquent. Tu as de la fièvre... Combien?

- 38’ degrés.

- Assieds-toi. Je dois t’examiner... Il faut te bien soigner ou bien tu auras une fluxion de poitrine. Je vais te prescrire quelque chose. Tu devras te soigner encore longtemps avant de sortir de la maison.

- Merci, docteur. Nous allons suivre vos recommandations, bien sur. Le garçon sera bien soigné.

- Trước hết con phải cặp nhiệt độ đã. Con bị ho, bị cảm đấy. Mắt của con đỏ. Điều đó cho thấy là con bị sốt đấy.

- Vâng, nhiệt độ hơi cao ạ.

- Bao nhiêu độ?

- 38˚ ạ.

- Con hãy cởi quần áo ra và nằm xuống nhanh lên. Mẹ sẽ mời thầy thuốc. Ông ấy sẽ chữa cho con chóng khỏi.

(một giờ sau)

- Cậu bé phải nằm phải không? Cậu ta ốm làm sao? Nào, cháu có bị đau ở đâu không?

- Thưa bác sĩ, không ạ.

- Cháu không bị đau đầu chứ?

- Thưa ông có, nhưng đau ít thôi ạ.

- Đưa tay cháu đây, tôi sẽ bắt mạch cho cháu. Mạch nhanh đấy. Cháu sốt bao nhiêu độ nhỉ?

- 38 độ ạ.

- Cháu ngồi xuống đây. Tôi phải khám cho cháu... Cháu phải được chữa cẩn thận nếu không cháu sẽ bị sưng phổi đấy. Tôi sẽ ghi cho cháu 1 vài thứ thuốc. Cháu sẽ còn phải được chăm sóc lâu trước khi ra được khỏi nhà đấy

- Cảm ơn Bác sĩ. Nhất định chúng tôi sẽ tuân theo những lời khuyên của ông. Cháu sẽ được chăm sóc cẩn thận.

- Je vais vous envoyer une infirmière pour faire des piqûres et je vais repasser demain matin.

Hội thoại 28

- Oh, docteur, je pense que mon garçon est gravement malade. Dès le matin, il a mal à la tête, mal à la gorge. Il tousse.

- Donne-moi ta main. Oui, il a de la fièvre, votre garçon. Sa température doit être bien élevée... Assieds-toi et tire la langue. Bon. La langue est bien chargée. Donnez-moi une cuillère, je veux lui examiner la gorge.

- La voici, monsieur.

- Montre-moi ta gorge. Ouvre la bouche et dit a. Bon. Maintenant enlève ta chemise. Je vais examiner la poitrine et le dos. Bon. Ça y est.

- Et bien, docteur? Qu'est-ce qu'il a, mon garçon?

- Il y a une bronchite et une angine. II faut qu'il garde le lit pour une semaine au moins. Ne lui donnez rien de froid: du thé, du lait bien chaud. Donnez-lui une cuillère de potion que je vais prescrire trois fois par jour après le repas. N'oubliez pas de l'agiter avant de la lui donner.

- Oui, certes, docteur.

- Appliquez un sinapisme aux pieds.

- Tôi sẽ nói một cô y tá đến tiêm cho cháu và sáng mai tôi sẽ quay lại.

Hội thoại 28

- Ôi thưa Bác sĩ, tôi nghĩ rằng con trai tôi bị ốm nặng đấy. Ngay từ sáng nó nó đã đau đầu và đau họng. Cháu bị họ nữa,

- Cháu đưa tay đây nào. Đúng rồi con trai ông bị sốt. Nhiệt độ của cháu khá cao đấy... Cháu hãy ngồi xuống và thè lưỡi ra. Thế. Lưỡi bẩn đấy. Đưa tôi cái thìa nào. Tôi muốn xem họng cháu.

- Đây thưa ông.

- Cháu cho xem họng nào. Cháu há miệng ra và nói: a. Tốt. Bây giờ cháu hãy cởi áo sơ mi ra. Tôi sẽ khám ngực và lưng. Được, xong rồi.

- Thưa bác sĩ, con trai tôi làm sao ạ

- Cháu bị viêm phế quản và viêm họng. Cháu phải nằm điều trị ít nhất 1 tuần. Đừng cho cháu cái gì lạnh, nước chè, sữa đều phải nóng cả. Hãy cho cháu uống 1 thìa thuốc nước mà tôi sẽ ghi đơn, uống mỗi ngày 3 lần sau bữa ăn. Đừng quên lắc lọ thuốc lên trước khi cho cháu uống nhé.

- Thưa bác sĩ, vâng ạ.

- Hãy bôi 1 ít thuốc đắp mù tạc lên bàn chân cháu..

- Ah, non. Monsieur. Il n'aime pas ça. A peine posé, il crie: «ça pique, enlève-le vite...»

- C'est bien mal de ne pas suivre les conseils de médecin, car le plus léger refroidissement peut passer en fluxion de poitrine. Il faut donc le bien soigner, si vous ne voulez pas qu'il ait quelque chose de plus sérieux.

- Oui, bien entendu, monsieur. Je comprends

- Faites-moi savoir son état demain matin.

Hội thoại 29

- Savez-vous que le garçon qui a été hospitalisé hier se trouve mal aujourd 'hui? Je pense qu'il va de plus en plus mal.

- Quel est le diagnostic?

- Le diagnostic n'est pas encore fait puisque sa maladie est bien compliquée.

- Quels en sont les symptômes?

- I1 souffre de douleurs abdominales et thoraciques, de troubles cardiaques.

- Fait-it de la fièvre?

- Oui. On dit que depuis un mois il a tous les soirs une fièvre assez forte.

- Et les radiographies?

- À, thưa bác sĩ, không được ạ. Cháu nó không thích cái đó đâu. Vừa mới đặt lên nó đã kêu " đau quá, bỏ ra... "

- Nếu không theo những lời khuyên của thầy thuốc thì gay đấy vì sự cảm lạnh nhẹ nhất cũng có thể chuyển thành viêm phổi được. Cần phải chăm sóc cho cháu tốt nếu như ông không muốn rằng cháu sẽ bị nặng hơn.

- Vâng, tất nhiên, thưa ông. Tôi hiểu.

- Sáng mai cho tôi biết tình trạng của cháu nhé.

Hội thoại 29

- Anh có biết rằng cậu bé vào viện hôm qua, hôm nay yếu lắm không? Tôi nghĩ rằng cháu ngày càng nặng đấy.

- Chẩn đoán là gì nhỉ?

- Chưa có chẩn đoán vì bệnh của cháu rất phức tạp,

- Triệu chứng thế nào?

- Cháu bị đau bụng, đau ngực và có những loạn ở tim.

- Có sốt không?

- Có đấy. Người ta nói rằng từ một tháng nay tối nào cháu cũng sốt khá cao.

- Thế phim X-quang thì sao?

- Elles montrent une opacité dense inexplicable.

- Le chirurgien, qu'est-ce qu'il soupçonne?

- Une tumeur extra-rénale que l'on appelle sympathoblastome.

- Et le medecin?

- Il a dit que l'on avait noté chez lui une primoinfection tuberculose à l'âge de 8 ans.

Hội thoại 30

- Dites-moi, je vous en prie. Comment trouve le garçon hospitalisé ici il y a quelques jours?

- Vous parlez probablement du garçon de notre infirmière, n'est ce pas.

- Si. Je voudrais savoir l'état de sa santé. De quoi souffre-t-il?

- I1 éprouve une douleur à 1'estomac.

- Aucun trouble digestif ou urinaire?

- Non, aucun. Il ne se plaint de rien, sauf de douleurs abdominales périodiques.

- La température?

- Il a de la fièvre le soir entre 38˚ et 39˚ et alors il souffre d'un mal de tête.

- Il n'a pas mal au cœur (pas de nausées)?

- Non.

- Phim cho thấy có một đám mờ đậm không giải thích được.

- Bác sĩ phẫu thuật nghi bị gì vậy?

- Một khối u ngoài thân được gọi là u nguyên bào thần kinh giao cảm,

- Thế còn bác sĩ nội khoa?

- Ông ta nói rằng cháu bị phát hiện xơ nhiễm lao lúc lên tám tuổi.

Hội thoại 30

- Xin ông làm ơn cho biết, cậu bé vào viện cách đây vài thế nào rồi ạ?

- Chắc ông muốn hỏi con cô y tá chỗ chúng tôi chứ gì?

- Vâng ạ. Tôi muốn biết về tình trạng sức khỏe của cháu. Cháu bị đau gì?

- Cháu thấy đau ở dạ dày.

- Có rối loạn về tiêu hóa hay tiết niệu gì không ạ?

- Không, không có gì đâu. Cháu không kêu gì cả, trừ những đợt đau bụng theo chu kỳ.

- Nhiệt độ cháu thế nào ạ?

- Buổi tối cháu bị sốt trong khoảng giữa 38˚ và 39˚. Khi đó, cháu bị đau đầu.

- Cháu không buồn nôn chứ?

- Không.

- Quels sont les résultats de l'examen radiologique de poitrine et de l'abdomen?

- L'image thoracique est nornale mais la radiographie de l'abdomen montre que la voûte diaphramatique gauche est surmontée par une opacité dense.

- Où est l'histoire de la maladie du garçon?

- Elle est sur la table du chef de clinique.

- Merci bien pour l'information.

- Pas de quoi, monsieur.

Hội thoại 31

- A-t-on réussi à guérir le malade avec le diagnostic d'encéphalite?

- Non, on n'a pas réussi

- Quels symptômes présente-il actuellement?

- A présent, des troubles psychiques augmentent sous forme d'une symptomalogie psychiques: un délire apparaît sous forme persécutive et la mélancolie progresse toujours.

- Est-ce qu'il a eu des antécédents à noter?

- Il m'a dit qu'il avait présenté un tableau neurologique pseudotumoral qui a détérminé la nécessité d'une intervention chirurgicale, mais sans résultat.

- Kết quả phim X quang chụp lồng ngực và bụng thế nào?

- Hình ảnh lồng ngực bình thường, những phim ở bụng cho thấy: vòm hoành bên trái bị phủ bởi một đám mờ đậm.

- Bệnh án của cậu bé ở đâu ạ?

- Ở trên bàn ông chủ nhiệm.

- Xin cảm ơn ông đã cho biết.

- Không có gì, thưa ông.

Hội thoại 31

- Không biết người ta đã chữa khỏi cho bệnh nhân bị chẩn đoán viêm não chưa nhỉ?

- Chưa, chưa chữa được.

- Hiện người bệnh có những triệu chứng gì?

- Hiện tại những rối loạn về tầm thần tăng lên dưới dạng một triệu chứng bệnh tâm thần, đó là hoang tưởng bị truy hại và u sầu luôn tăng dần.

- Không biết có tiền sử nào không nhỉ?

- Anh ấy nói với tôi rằng anh ấy có một bệnh cảnh giả u thần kinh và chính điều đó quyết định cần thiết phải mổ, nhưng không thu được kết quả gì.

- Quel traitement avez-vous appliqué?

- Nous avons prescrit un traitement antidépresseur par voie parentérale.

- Oh, c’est un traitement très efficace. Mais comme je vois,cela n’a entraîné aucune amélioration du comportement, n’est-ce pas?

- Oui. Nous avons espéré en obtenir des resultats positifs, mais…

- Quand je lui ai parlé, il ‘a dit qu’il avait été très malade et qu’il se sentait mieux maintenant, mais qu’il devrait encore se soigner longtemps.

Hội thoại 32

- J’ai assisté ce matin à 1’examen de la malade admise pour un ulcère variqueux de la jambe gauche.

- Oui, je la connais. Je 1’ai examinée à son entrée à 1’hôpital la semaine dernière.

- Pourriez-vous me donner quelques précisions sur ce cas?

- Pour le moment, comme vous savez, elle ne souffre d’aucun symptôme fonctionnel ou général, sauf 1’ulcère de la jambe gauche.

- Mais le professeur nous a dit qu’à 1’examen clinique on a trouvé une hépatomégalie.

- Il a raison.Cette hépatomégalie est indolore et elle est située sur la ligne médioclaviculaire.

- Các anh đã điều trị gì rồi nhỉ?

- Chúng tôi đã tiến hành điều trị chống trầm cảm bằng đường ngoại đường tiêu hóa.

- Ồ đó là một sự điều trị rất hiệu quả đấy. Nhưng dường như tôi thấy điều đó không làm cho bệnh nhân ứng xử khá lên phải không?

- Vâng, chúng tôi đã hy vọng có được những kết quả tích cực, nhưng…

- Khi tôi nói chuyện với anh ấy, anh ấy bảo với tôi rằng trước anh ấy ốn lắm, giờ thì anh ấy cảm thấy khá hơn nhưng còn phải điều trị trong thời gian dài nữa.

Hội thoại 32

- Sáng nay tôi đã tham dự khám cho bà bệnh nhân được chẩn đoán, là giãn tĩnh mạch ở cẳng chân.

- Vâng tôi có biết bà ấy. Tôi đã khám cho bà ta khi bà ấy vào viện tuần trước.

- Anh có thể cho tôi biết rõ hơn về trường hợp này không?

- Hiện tại như anh biết đấy, bà ta không có một triệu chứng chức năng hay triệu chứng toàn thân nào cả ngoài vết loét ở cẳng chân trái.

- Nhưng ông giáo sư đã nói với chúng tôi là khi khám lâm sàng người ta đã thấy có gan to.

- Ông ta nói đúng đấy. Chứng gan to này không đau và nằm ở trên đường giữa đòn.

- Quel en est finalement le diagnostic?

- Le professeur a dit que les examens complémentaires, surtout celui du sang, ont montré une forte éosinophilie et cela nous donne à réfléchir.

- Et alors quelle est votre opinion?

- Je pense qu'avant de poser un bon diagnostic, la possibilité d'infestation par les larves d'ascarides de chien ou d'autrès animaux doit être envisagée (examinée).

Hội thoại 33

- Quel est votre diagnostic pour ce malade, âgé de 39 ans?

- J'ai fait le diagnostic d'une pleurésie gauche Mais c'est un diagnostic de probabilité.

- Quels troubles peut-il avoir encore?

- À mon avis le caractère sérofibrineux de la pleurésie gauche, l'aitération marquée de l'état général, une asthénie extrême associée à une déshydration, une pigmentation cutanée font redouter une rechute de la tuberculose avec insuffisance surrénale.

- Avez-vous connaissance des antécédents?

- Oui, ils sont intéressants. Deux sortes d'antécédents retiennent notre attention: un état comitial dans 1'enfance dû à une anoxie et une tuberculose pulmonaire en 2012.

- Chẩn đoán cuối cùng là gì nhỉ?

- Giáo sư đã nói rằng các xét nghiệm, nhất là các xét nghiệm về máu cho thấy: bạch cầu ưa êoxin tăng mạnh và điều đó đã làm cho chúng ta phải suy nghĩ đấy.

- Ý kiến của anh thế nào?

- Tôi nghĩ rằng, trước khi chẩn đoán chính xác thì phải xem xét khả năng nhiễm ký sinh trùng do các ấu trùng giun đũa của chó hay của các động vật khác.

Hội thoại 33

- Chẩn đoán của anh đối với bệnh nhân ba chín tuổi này là gì?

- Tôi đã chẩn đoán là tràn dịch màng phổi bên trái. Nhưng đó chỉ là một chẩn đoán có thể mà thôi.

- Ông ấy còn có thể có rối loạn gì nữa không?

- Theo ý kiến tôi, tính chất thanh dịch tơ huyết của dịch màng phổi, sự biến đổi của thể trạng chung, sự suy nhược cơ thể nặng, kết hợp với sự mất nước, sự nhiễm sắc tố ở da làm chúng ta nghi ngờ sự tái phát của bệnh lao cùng với chứng suy thượng thận.

- Anh có biết gì về tiền sử không nhỉ?

- Có, thật lý thú. Hai loại tiền sử đang làm chúng ta lưu ý: một tình trạng động kinh lúc nhỏ do bị ngạt, và năm 2012 thì bị lao phổi.

- A-t-il suivi un traitement régulier?

- Pour la comitialité de l'enfance, il était traité par le phénobarbital ; pour la tuberculose, il était traité pendant vingt mois.

- Il sera probablement examiné en consultation avec des spécialistes pour sa maladie, n'est-ce pas?

- Si, certes, dans deux jours. Je vous invite à y assister.

Hội thoại 34

- Où est l'histoire de la maladie de votre malade hospitaltsée hier dans l'après-midi?

- La voici, docteur.

- Merci bien. Maladies infectieuses infantiles: la rougeole, la coqueluche, la scarlatine. Aucune vaccination?

- Aucune, docteur.

- L'enquête familiale peu intéressante: parents, soeurs et frères bien portants. Et de quoi se plaint-elle à présent?

- Elle a des douleurs abdominales aigues dans la région iliaque droite avec des nausées et des vomissements. Elle a de la fièvre à 39˚.

- Qu'est-ce que vous avez trouvé à l'examen physique?

- J'ai noté des douleurs abdominales et une résistance musculaire limitée dans la région iliaque droite.

- Không biết ông ấy có theo điều trị đều đặn không?

- Với bệnh động kinh lúc còn nhỏ ông ấy đã được điều trị bằng phênobacbitan, còn bệnh lao ông ấy đã được điều trị trong hai mươi tháng.

- Ông ấy sẽ được khám hội chẩn với các chuyên gia chuyên về bệnh của ông ấy phải không?

- Vâng, hai ngày nữa, tôi sẽ mời anh cùng dự.

Hội thoại 34

- Bệnh án bệnh nhân của anh vào viện chiều hôm qua đâu nhỉ?

- Thưa bác sỹ, đây ạ.

- Cám ơn. Các bệnh nhiễm trùng trẻ em: sởi, thủy đậu, ho gà tinh hồng nhiệt. Không hề được tiêm chủng à?

- Thưa bác sỹ, không ạ.

- Tiền sử gia đình không có gì đặc biệt cả. Cha mẹ và các anh chị em đều khỏe. Hiện tại cô ấy kêu đau gì?

- Cô ấy bị đau bụng cấp ở vùng hố chậu phải, kèm theo có buồn nôn và nôn mửa. Cô ấy sốt 39 độ.

- Khám lâm sàng, anh có thấy gì không?

- Tôi thấy những cơn đau bụng và phản ứng cơ ở vùng hố chậu phải.

- Quel diagnostic faites-vous?

- Une appendicite aigue.

- D'accord. Dans la plupart des cas, ce n'est pas difficile de faire le diagnostic d'un cas d'appendicite, mais quelquefois les symptômes douloureux semblent à ceux d'entérocolite. Mais notre cas est clair. La malade doit être opérée en toute urgence.

Hội thoại 35

- Le malade âgé de 60 ans, a été hospitalisé le 4 février pour un état fébrile à 38°-39° depuis quatre mois.

- Qu'est-ce qu'on a trouvé à l'examen clinique?

- On n'a rien trouvé hormis que la rate (à la palpation en inspiration profonde) est augmentée de volume et qu'il y a quelques adénopathies axillaires.

- Quelles radiographies avez-vous pratiquées?

- Les radiographies du squelette. Le splénogramne et les myélogrammes sont bien à examiner. Avez-vous fait un diagnostic?

- Bien sûr: «Splénonegalie myéloïde».

- Est-ce que votre diagnostic se base seulement sur les radiogrammes?

- Non. Il est fondé aussi bien sur la ponction-biopsie ostéo-médullaire.

- Chẩn đoán của anh là gì?

- Một trường hợp viêm ruột thừa cấp ạ.

- Đúng là vậy. Trong phần lớn các trường hợp không có gì khó khăn chẩn đoán một trường hợp viêm ruột thừa, tuy nhiên đôi khi các triệu chứng đau giống như những triệu chứng của viêm tiểu kết tràng. Nhưng trường hợp của chúng ta thì rõ rồi. Bệnh nhân phải được mổ cấp cứu ngay.

Hội thoại 35

- Bệnh nhân nam 60 tuổi vào viện ngày 4 tháng hai vì bị sốt từ 38 đến 39 độ từ bốn tháng nay.

- Khám lâm sàng người ta thấy gì rồi?

- Không thấy gì cả. Ngoài triệu chứng lách to (sờ được khi bệnh nhân hít sâu) và có một vài hạch ở nách.

- Các anh đã chụp X-quang gì rồi?

- X-quang của bộ xương ạ. Lách đồ và tủy đồ cần được xem xét kỹ lưỡng. Các anh đã có chẩn đoán rồi chứ?

- Vâng, đó là bệnh "lách to sinh tủy".

- Chẩn đoán của các anh chỉ dựa trên các phim X-quang phải không?

- Không, dựa trên cả việc chọc dò sinh thiết tủy xương.

- Et bien, le frottis biopsique a-t-il confirmé votre diagnostic?

- Parfaitement. Nous avons mis le malade à une corticothérapie.

- Quelles sont les suites médicales?

- Malheureusement, on a transféré le malade à un autre hôpital pour des raisons de famille et il y est décédé avec un tableau de quadriplégie.

Hội thoại 36

- Monsieur le docteur, avez-vous le temps d'examiner d'urgence ma malade qui a une température fort élevée?

- De quoi souffre-t-elle?

- Elle a une amygdalite aigue.

- Je me souviens de l'avoir examinée à l'admission.

- Oui, monsieur. Vous avez fait le diagnostic d'une amygdalite, la température n'était pas alors aussi élevée que maintenant. Elle fait de la fièvre à 39°9.

- Quels symptômes avez-vous notés encore ?

- Rien d'important sauf les douleurs à la gorge.

- Est-ce qu'on lui a fait une radiographie du poumon?

- Oui, monsieur. On ne trouve pas de foyer infectieux pulmonaire.

- Vậy, kính phết sinh thiết khẳng định chẩn đoán của các anh chứ?

- Đúng vậy. Chúng tôi đã dùng cho bệnh nhân một liệu trình điều trị bằng cóc-ti-cô-ít

- Cần điều trị tiếp theo như thế nào?

- Rất tiếc, vì những lý do gia đình người ta đã chuyển bệnh nhân tới một bệnh viện khác và ông ta đã chết với một bệnh cảnh liệt tứ chi.

Hội thoại 36

- Thưa bác sỹ, hiện ông có thời gian để khám gấp cho một bệnh nhân của tôi không ạ? Cô ấy bị sốt cao.

- Cô ấy bị gì thế?

- Cô ta bị viêm a-mi-đan cấp.

- Tôi nhớ là khi cô ta vào viện tôi đã xem cho cô ấy rồi.

- Thưa ông, vâng ạ. Ông đã chẩn đoán là viêm a-mi-đan nhưng lúc đó nhiệt độ cũng không cao bằng hiện nay, cô ấy đang sốt 39,9 độ.

- Anh còn thấy có triệu chứng gì nữa không?

- Ngoài triệu chứng đau họng ra thì không có gì đáng lưu ý cả.

- Không biết người ta đã chụp phổi cho cô ấy chưa nhỉ?

- Thưa ông chụp rồi ạ. Không thấy có ổ nhiễm trùng nào ở phổi cả.

- Qu'avez vous appris encore?

- Pendant son enfance, elle a eu des maladies infantiles sans complications. De temps en temps, elle souffrait de bronchite. Mais en genéral elle était bien portante.

- Et l'enquête familiale?

- On ne constate pas de maladies graves chez les membres de sa famille.

- Bon. Allons-y. Je vais l'examiner encore une fois.

Hội thoại 37

- Nous avons hospitalisé deux malades ce matin. L'un d'eux, un garçon de 12 ans, a une température élevée et une bronchite.

- Et de quoi souffre le deuxième malade?

- C'est un homme de 17 ans. Il a de la fièvre mais il ne tousse pas.

- Qu'est-ce que vous avez trouvé à l'examen du premier maladie?

- J'ai trouvé que le garçon est un peu maigre et qu'il avait une pneumonie (fluxion de poitrine).

- Et le jeune homme, de quoi souffre-t-il?

- Il parraît être exténué mais ses poumons respirent bien. L'image thoracique est tout à fait normal.

- Et l'interrogatoire, qu'est-ce qu'il vous apprend?

- Anh còn thấy gì nữa không?

- Khi còn bé, cô ấy có bị những bệnh của trẻ em, nhưng không có biến chứng gì cả. Thỉnh thoảng cô ấy có bị viêm phế quản. Nhưng nói chung cô ta khỏe.

- Thế còn tiền sử gia đình thì sao?

- Người ta không thấy có ai trong gia đình cô ta bị bệnh nặng cả.

- Được. Nào, tôi sẽ khám cho cô ấy một lần nữa.

Hội thoại 37

- Sáng nay, chúng tôi đã cho hai bệnh nhân vào viện. Một trong hai bệnh nhân là cậu bé mười hai tuổi bị sốt và viêm phế quản,

- Thế còn bệnh nhân thứ hai là bệnh gì vậy?

- Đó là một thanh niên mười bảy tuổi, anh ấy bị sốt nhưng không ho.

- Anh đã thấy gì khi khám cho bệnh nhân thứ nhất?

- Tôi thấy cậu bé hơi gầy và cậu ta bị viêm phổi (xung huyết phổi).

- Thế còn anh thanh niên, anh ấy bị gì vậy?

- Anh ấy như hết hơi nhưng phổi vẫn thở tốt. Hình ảnh lồng ngực hoàn toàn bình thường.

- Khi hỏi bệnh anh ấy có cho anh biết điều gì không?

- Il apprend qu’il était toujours en bonne santé et ne prenait aucun remède.

- Quel diagnostic faites-vous?

- On ne peut rien dire pour le moment. Comme il n’y a pas d’autres symptônes, on va lui faire suivre un régime et faire une radiographie abdominale et pulmonaire aussi bien que d’autrès examens complémentaires.

Hội thoại 38

- Je viens d’examiner la malade hospitalisée pour les troubles de la marche qu’elle a la semaine passée.

- Et bien, qu’est-ce que vous avez noté?

- D’abord une aggravation générale de son état avec un amaigrissement rapide et, ensuite, une retention urinaire.

- Pas d’antécédents pathologiques?

- J’ai trouve une parésie nette des cuisses, à prédominance gauche.

- Avez-vous remarqué une faible raideur de la nuque?

- Certainement. Mais elle n’en souffre pas pour le moment. Mais on a noté chez elle une primo-infection tuberculeuse à l’âge de 14 ans.

- Anh ấy cho biết rằng anh ấy luôn luôn khỏe và không phải dùng một thuốc nào cả.

- Anh đã chẩn đoán là bệnh gì?

- Hiện nay ta không thể nói gì được vì anh ấy không có các triệu chứng khác, ta sẽ yêu cầu anh ấy tuân theo một chế độ và chụp phim X-quang bụng và phổi cũng như làm các xét nghiệm bổ sung khác.

Hội thoại 38

- Tôi vừa mới khám cho bà bệnh nhân vào viện vì những rối loạn trong việc đi lại mà bà ấy bị từ tuần trước.

- Vậy anh thấy gì?

- Trước hết thể trạng chung thì suy sụp đi, cùng với sự gầy sút nhanh chóng và tiếp đó là bị bí tiểu tiện.

- Bệnh nhân không có một tiền sử bệnh lý gì à?

- Có, bị liệt rõ rệt ở các cơ gấp ở cẳng chân và ở đùi, chân trái bị nặng hơn.

- Anh có nhận thấy gáy bị cứng nhẹ không?

- Tất nhiên, nhưng hiện nay bà ấy không đau ở đó. Tuy nhiên người ta biết bà ấy bị xơ nhiễm lao lúc mười bốn tuổi.

- Est-ce qu'on lui a fait une radiographie pulmonaire? Il est très important qu'on ne trouve plus chez elle de foyer infectieux pulmonaire.

- Oui, certes. On lui a fait une radiographie pulmonaire, les résultats sont négatifs.

- Il faut souligner qu'une radiographie du poumon est indispensable chez les malades qui ont des antécédents pulmonaires. Racontez-moi 1'histoire de sa maladie. Je voudrais bien connaitre tous ses détails.

- Malheureusement, je n'ai rien à ajouter. Elle va rester en observation et elle va passer encore des examens.

- Alors, je viendrais vous voir dans quelques jours.

- Je vous en prie, docteur.

Hội thoại 39

- A-t-on diagnostiqué la malade hospitalisée hier soir?

- Vous parlez de la malade qui a été admise pour des troubles de la marche, n'est-ce pas?

- Si, je parle justement d'elle.

- On note encore un tremblement qui la gêne de plus en plus.

- Qu'est-ce que l'anamnèse apprend?

- Người ta đã chụp phim phổi cho bà ấy chưa? Điều rất quan trọng là người ta không thấy ở bà ấy những ổ nhiễm trùng ở phổi nữa.

- Vâng, đúng như vậy ạ. Người ta đã chụp phổi phải của bà ấy và có kết quả âm tính.

- Cần phải nhấn mạnh rằng, một phim X-quang chụp phổi là cần thiết đối với các bệnh nhân có tiền sử bị bệnh phổi. Anh hãy kể cho tôi về bệnh sử của bà ấy, tôi muốn biết mọi chi tiết.

- Rất tiếc là tôi không có gì để nói thêm cả. Bà ấy sẽ ở lại để được theo dõi thêm và bà ấy sẽ cần phải qua một số xét nghiệm nữa.

- Vậy thì tôi sẽ đến gặp anh trong vài ngày nữa.

- Vâng, thưa bác sĩ.

Hội thoại 39

- Người ta đã chẩn đóan bệnh nhân vào viện tối hôm qua chưa?

- Ông nói về bà bệnh nhân vào viện vì những rối loạn trong việc đi lại phải không ạ?

- Đúng. Tôi nói bà ấy đấy.

- Người ta thấy bà ấy ngày một run hơn.

- Tiền sử bệnh có cho biết được điều gì không?

- Ses troubles sont anciens. Il ont débuté par diminution de l'habileté manuelle et la difficulté d'élocution (de la parole) qui est apparue plus récemment.

- Que dit l'enquête familiale?

- L'enquête révèle l 'existence de troubles analogues chez le père et les deux frères.

- Ainsi les antécédents familiaux confirment le diagnostic?

- Oui, le caractère familial de la maladie permet d'éliminer le diagnostic d'une atrophie cerbelleuse alcoolique. Maintenant, il faut discuter la question du traitement.

- Quel traitement peut-on prescrire pour soulager ou guérir cette malade?

- Le diagnostic dicte le traitement de la maladie.

- Oui, dans ce cas il est évident que seul un traitement symptômatique est possible.

- Vous avez parfaitement raison.

Hội thoại 40

- Qu'est-ce qu'on a trouvé chez la jeune femme à l'examen clinique?

- Vous parlez de la malade qui nous a été adressée par un ophtalmologiste?

- Những rối loạn của bà ấy đã lâu rồi, bắt đầu bằng việc tay chân lóng ngóng và gần đây nôn, ăn nói khó khăn.

- Tiền sử về mặt gia đình có gì không?

- Có những rối loạn giống như ở người cha và hai người anh của bà ấy.

- Như vậy tiền sử gia đình đã khẳng định chẩn đoán phải không?

- Vâng, tính chất gia đình của bệnh cho phép loại được chẩn đoán teo tiểu não do rượu. Bây giờ cần phải thảo luận về vấn đề điều trị.

- Có thể điều trị như thế nào để làm giảm và chữa khỏi bệnh?

- Việc chẩn đoán sẽ quyết định việc điều trị bệnh như thế nào.

- Đúng vậy. Trong trường hợp này rõ ràng là chỉ có thể điều trị triệu chứng mà thôi.

- Anh hoàn toàn có lý.

Hội thoại 40

- Khám lâm sàng người ta đã thấy gì ở người phụ nữ trẻ?

- Anh nói về người bệnh đã được một bác sĩ nhãn khoa chuyển đến ta phải không?

- Oui, justement d'elle. Elle a une baisse d'acuité visuelle.

- Nous avons trouvé chez elle une cataracte de l'oeil gauche.

- Quel est le caractère de cette cataracte?

- Elle est fibrillaire d'aspect translucide (transparent) très dense.

- Nous avons appris que la cataracte s'était développée d'une facon vraiment aigue que la malade avait donné naissance à un enfant d'un poids excessif, presque 5 kg. C'est pourquoi nous pensons que la baisse d'acuité visuelle chez cette malade est un symptôme d'origine diabétique.

- Vous avez parfaitement raison. Devant toute cataracte à développeunent rapide, surtout chez un sujet jeune et le poids excessif de son enfant à la naissance, on doit soupconner un diabète sucré.

- L'enquête familiale confirme notre diagnostic: le père et un grand-père de la malade ont été diabétiques.

- Quoi qu'il en soit la seule attitude thérapeutique valable est la supression du sucre et de l'alcool au régime alimentaire.

- Đúng. Cô ấy đấy. Cô ấy bị giảm thị lực.

- Chúng tôi thấy mắt trái của cô ấy bị đục thủy tinh thể.

- Tính chất của đục thủy tinh thể này là gì?

- Nó gồm những sợi mảnh, dạng trong mờ (thấu sáng) rất đậm.

- Chúng ta biết rằng bệnh đục thủy tinh thể này đã phát triển một cách thực sự cấp tính và bệnh nhân đã sinh một đứa con có trọng lượng quá lớn, gần 5 kg. Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng sự giảm đi thị lực ở bệnh nhân này là một triệu chứng của bệnh đái tháo đường gây nên

- Anh hoàn toàn có lý đấy. Trước tất cả những trường hợp đục thủy tinh thể tiến triển nhanh, nhất là ở một người trẻ và trọng lượng quá lớn của đứa con ấy, thì ta phải nghĩ đó là một trường hợp đái tháo đường.

- Tiền sử trong gia đình đã khẳng định chẩn đoán của chúng ta: người cha và một người ông của bệnh nhân đã bị đái tháo đường

- Dù sao, quan điểm điều trị duy nhất có giá trị là loại bỏ đường và rượu trong chế độ ăn uống.

Hội thoại 41

- Quelles sont des séquelles d’une plaie par balle chez ce malade après l’accident?

- Il a été frappé de deux hémiplégies gauches quelques mois après la blessure par balle.

- Donnez des précisions sur l’accident, s’il vous plait.

- Il a été victime d’un accident sur le champ de tir: une balle a traversé la clavicule droite et s’est logée devant le corps de la première vertèbre dorsale.

- A-t-il été hospitalisé alors?

- Oui, il a passé trois mois à l’hôpital où la plaie s’est fermée, mais où on a renoncé à l’extraction de la balle.

- Quel était l’état général du malade pendant l’hospitalisation?

- Aucun trouble pendant trois mois: il était dans son état normal.

- Quand les troubles ont recommencé?

- Quelques mois après la sortie de l’hospital. Un matin réveil, le malade constate une hémiplégie gauche. Elle ne semble pas massive, puisqu’il peut se lever, prendre sa voiture afin de consulter le medecin le plus proche. Mais, en route, il perd le contrôle de son volant et entre en collision avec un camion.

- Quelle en a été la conséquence ?

Hội thoại 41

- Sau tai nạn, những di chứng của vết thương viên đạn gây ra ở bệnh nhân này là gì?

- Vài tháng sau khi bị thương bởi phát đạn, anh ấy đã hai lần bị liệt nửa người trái.

- Xin anh nói rõ hơn về tai nạn.

- Anh ta là nạn nhân của một tai nạn trên trường bắn. Một viên đạn đã xuyên qua xương đòn phải và nằm lại phía trước thân đốt sống lưng đầu tiên.

- Anh ấy đã được đưa vào viện chứ?

- Vâng, anh ta đã nằm viện ba tháng, tại đó vết thương đã khép kín, nhưng người ta đã từ chối việc gắp viên đạn ra.

- Tình trạng chung của bệnh nhân trong khi nằm viện là thế nào?

- Trong ba tháng không có một rối lọan nào cả: thể trạng của anh ấy bình thường.

- Những rối loạn đó lại bắt đầu từ khi nào?

- Vài tháng sau khi ra viện, vào một buổi sáng khi thức dậy, bệnh nhân thấy bị liệt nửa người trái. Nhưng không liệt nặng lắm, vì rằng anh ta còn có thể dậy được, tự lái xe ô tô tới khám ở người thầy thuốc gần nhất. Nhưng trên đường anh ấy đã không làm chủ được tay lái và đã va vào chiếc xe tải.

- Hậu quả thế nào?

- Fracture du genou et de la mâchoire, sans perte de connaissance. Imaginez, donc: l'hériparésie instantanément gauche disparu. Le malade sort de sa voiture sans aucun défaut musculaire.

Hội thoại 42

- Hier nous avons hospitalisé trois malades sans diagnostic finalement retenu. Qui les a examinés?

- Moi. J'ai examiné la malade, âgée de 62 ans. Elle a céphalées depuis 6 mois et des douleurs lombaires intenses. Elle se plaint de vomissements épisodiques et de l'altération de l'état général.

- Quels sont les faits cliniques?

- A son arrivée, il n'existait aucun signe neurologique focal. La pression artérielle était de 175/90 mmHg.

- Quels examens a-t-elle subis encore?

- Les radiographies du rachis lombaire. Elles montrent une déminéralisation osseuse diffuse. Avant de poser un diagnostic, le malade va subir encore des examens complémentaires.

- Et bien, qui a examiné un autre malade?

- C'est moi.

- Qu'est-ce que vous avez trouvé à son arrivée?

- Dập đầu gối và gãy xương hàm, nhưng vẫn tỉnh. Anh hãy hình dung xem: chứng liệt nửa người trái bỗng chốc biến mất. Người bệnh bước ra khỏi ô tô với mọi cơ bắp hoạt động bình thường.

Hội thoại 42

- Hôm qua chúng ta đã nhận ba bệnh nhân vào viện mà đều không có chẩn đoán dứt khoát gì cả. Ai đã khám cho những bệnh nhân này nhỉ?

- Tôi ạ. Tôi đã khám cho bà bệnh nhân 62 tuổi. Bà ấy bị đau đầu từ sáu tháng nay và đau lưng rất nhiều. Bà ta hiện bị nôn mửa từng đợt và toàn thân suy yếu.

- Những biểu hiện lâm sàng như thế nào?

- Khi bệnh nhân đến, không thấy có một dấu hiệu thần kinh cục bộ nào cả. Huyết áp 175/90 mmHg.

- Bệnh nhân còn được xét nghiệm gì nữa không?

- Chụp X-quang cột sống lưng. Các phim cho thấy có một sự mất vôi của xương một cách lan tỏa. Trước khi đặt một chẩn đoán, bệnh nhân sẽ còn được khám nghiệm thêm.

- Thế còn ai đã khám cho một bệnh nhân khác?

- Tôi.

- Khi bệnh nhân tới, anh thấy có những dấu hiệu gì?

- A l’arrivée, l’état clinique du malade, âgé de 36 ans, était très grave: le collapsus a persisté, associé à un coma sans signes neurologiques.

- Quels examen avez-vous pratiqué?

- Nous n’avons pas pu pratiquer tous les examens nécessaires à cause de son état général. Je vais vous présenter les faits cliniques un peu plus tard.

- Bien. Il nous reste le dernier malade, âgé de 63 ans. Qu’est-ce que vous pouvez dire de son état?

- A l’entrée, son état général était particulièrement grave. Le coma a persisté. Nous n’avons pas eu de chance de le réanimer. Le collapsus a entraîné son décès.

- Khi tới viện, tình trạng lâm sàng bệnh nhân 36 tuổi này rất nặng: trụy mạch cộng với hôn mê nhưng không có những dấu hiệu thần kinh.

- Anh đã làm những xét nghiệm gì rồi?

- Chúng tôi đã không thể làm tất cả những xét nghiệm cần thiết vì thể trạng chung của bệnh nhân. Sau này tôi sẽ trình bày với ông về những dấu hiệu lâm sàng.

- Được. Thế còn bệnh nhân cuối cùng 63 tuổi. Anh có thể nói gì về tình trạng của ông ấy?

- Khi vào viện, thể trạng chung của bệnh nhân đặc biệt nặng. Hôn mê kéo dài. Chúng tôi đã không thể hồi sức, tình trạng trụy mạch đã dẫn tới cái chết của bệnh nhân.